



# Lý luận chính trị và Thực tiễn cuộc sống



TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH LÂM ĐỒNG



KỶ NIỆM 70 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM  
VÀ QUỐC KHÁNH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
(2/9/1945 - 2/9/2015)

Số 50 - 2015



# Một số hình ảnh về hoạt động của Nhà trường



Đ/c Đỗ Thanh Bình, TUV, Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng phát biểu tại Đại hội Đảng bộ trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng lần thứ VIII, Nhiệm kỳ 2015 - 2020



Ban Chấp hành Đảng bộ trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng lần thứ VIII, Nhiệm kỳ 2015 - 2020



Đ/c Đỗ Thanh Bình, TUV, Hiệu trưởng phát biểu tại Hội nghị tổng kết năm học 2014 - 2015



Thiếu tướng Lê Anh Thơ, Chính ủy Học viện lục quân Đà Lạt, phát biểu tại Hội thảo khoa học “70 năm cách mạng tháng Tám và Quốc khánh nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”



Đ/c Đỗ Thanh Bình, Hiệu trưởng và đ/c Đoàn Thanh Bình, Chủ tịch Công đoàn trường trao giải cho các đội tại Giải bóng chuyền “Kỷ niệm 70 năm cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9”



Đại diện Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Ban chấp hành Công đoàn trường thăm và tặng quà Bà mẹ Việt Nam anh hùng





## LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ VÀ THỰC TIỄN CUỘC SỐNG

### Số 50 - 2015

Chịu trách nhiệm xuất bản:  
**ĐỖ THANH BÌNH**

Ban biên tập:  
**VÕ THỊ THU HÀ  
VĨNH CÁC  
NGUYỄN THỊ BẢY**

Trình bày - Kỹ thuật:  
**NGUYỄN ANH DŨNG  
LÊ VIỆT LÂM**

Lưu hành nội bộ, Số lượng 100 bản  
Khổ 19 cm x 27 cm  
GPXB số 02/GPXB-STTTT  
Do Sở TT và TT Lâm Đồng cấp  
Ngày 14 tháng 01 năm 2015

In tại:  
**Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt**  
14 Yersin, P.10, Đà Lạt  
In xong, nộp lưu chiểu  
tháng 10 năm 2015

Địa chỉ:  
**Trường Chính trị Lâm Đồng**  
**Số 5 Khe Sanh - Phường 10 - Đà Lạt**  
Điện thoại: (063) 3822011 - 3831662  
Fax: (063) 3812631  
Email:  
[truongchinhtrilamdong@gmail.com](mailto:truongchinhtrilamdong@gmail.com)  
Website:  
<http://truongchinhtrilamdong.com.vn>

Ảnh bìa 1:  
Lễ Kỷ niệm 70 năm Quốc khánh  
nước Cộng hòa XHCN Việt Nam

## MỤC LỤC

### “LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ VÀ THỰC TIỄN CUỘC SỐNG”

**Số 50 - 2015**



### TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XI CỦA ĐẢNG, TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH VÀ KỶ NIỆM CÁC NGÀY LỄ LỚN

Trang

❖ <i>Nguyễn Văn Mão</i> - Lựa chọn và cụ thể hóa các khâu đột phá	3
❖ <i>Nguyễn Thị Thu Hương</i> - Từ quan điểm “nói đi đôi với làm” của Hồ Chí Minh đến hoạt động thực tiễn của người cán bộ hiện nay	5
❖ <i>Lê Quang Sơn</i> - Tuyên ngôn độc lập và sách lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ	6
❖ <i>Chu Thị Thu Trang</i> - Quan điểm sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	8
❖ <i>Ngô Thị Thu Hằng</i> - Hồ Chí Minh với vấn đề “thảo luận trong Đại hội Đảng”	9
❖ <i>Phan Cảnh Lộc</i> - “Nói phải đi đôi với làm”, Một nguyên tắc cơ bản của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh	11
❖ <i>Phạm Hồng Hải</i> - Ý nghĩa lịch sử ngày Quốc khánh 2/9	12
❖ <i>Ngô Thị Hồng Loan</i> - Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	13
❖ <i>Nguyễn Thị Nhã</i> - Cách mạng tháng Tám 1945 - Những giá trị thực tiễn trong 70 năm xây dựng và bảo vệ đất nước	14

## NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN & TRAO ĐỔI KINH NGHIỆM THỰC TẾ CUỘC SỐNG

- ❖ **Võ Thị Thu Hà** - Một số vấn đề về nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng 16
- ❖ **Trương Công Liêm** - Tìm hiểu về dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện trong Hiến pháp 2013 18
- ❖ **Vĩnh Các** - Về chế định quyền con người trong Hiến pháp nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 19
- ❖ **Ngô Đình Như** - Một số vấn đề về cải cách thủ tục hành chính 20
- ❖ **Lê Thị Thắm** - Chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với người có công với cách mạng 22
- ❖ **Cao Trọng Tuệ** - Đạo đức công vụ của cán bộ, công chức và việc thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TW: Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay 24
- ❖ **Liễu Văn Bảo** - Một số giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng 26
- ❖ **Lưu Thị Xuân** - Thực hiện tốt công tác dân vận ở cơ sở nhằm phát huy dân chủ và đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân 28

## THÔNG TIN

- ❖ **Võ Thị Bích Thúy** - Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2011- 2015 30
- ❖ **Lê Thị Thanh Phụng** - Lạc Dương làm tốt công tác đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số 32
- ❖ **Kiểu Hoài Sơn** - Đảng bộ xã Đa Rsal huyện Đam Rông với công tác phát triển đảng viên 34
- ❖ **Hoàng Hữu Du** - Vai trò của Hội Phụ nữ xã Đưng K'Nớ (Lạc Dương) trong công tác xóa đói giảm nghèo và phát triển kinh tế hộ gia đình 36
- ❖ **Đinh Công Tuyển** - Đảm bảo bình đẳng trong thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng hiện nay 37
- ❖ **Nguyễn Thị Bảy** - Trường Chính trị Lâm Đồng tổ chức Hội thảo khoa học 70 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 39
- ❖ **Lê Viết Lâm** - Thông tin về kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng trong năm học 2014-2015 40

## LỰA CHỌN VÀ CỤ THỂ HÓA CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ

❖ Nguyễn Văn Mão

**T**rong thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo, việc xác định và thực hiện khâu đột phá chiến lược có tầm quan trọng đặc biệt, nhất là trong lĩnh vực kinh tế xã hội. Nếu như việc xác định khâu động lực chủ yếu là tìm các khâu, các ngành kinh tế mà khi phát triển có khả năng thúc đẩy, kéo theo sự phát triển của các ngành và toàn bộ nền kinh tế xã hội, thì việc xác định khâu đột phá lại chủ yếu là tìm các khâu yếu nhất, là những “điểm nghẽn”, những “điểm huyệt” cản trở sự phát triển và nếu giải quyết tốt các khâu này sẽ tạo xung lực mới có sức lan tỏa mạnh, giải phóng mọi tiềm năng, khai thác có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển nhanh và bền vững của nền kinh tế.

Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã đề ra Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020 với mục tiêu tổng quát là “Phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; chính trị - xã hội ổn định, dân chủ, kỷ cương, đồng thuận; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng lên; tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau”.

Để tạo tiền đề thực hiện thành công mục tiêu tổng quát nói trên, Đảng ta đã xác định 3 khâu đột phá chiến lược: (1) Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính. (2) Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ. (3) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn.

Quán triệt và cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng vào tình hình thực tế của địa phương, Đại hội đại biểu Đảng bộ Lâm

Đồng lần thứ IX đã xác định và tổ chức thực hiện 5 khâu đột phá. Xuất phát từ thực tiễn tổ chức thực hiện 5 khâu đột phá vừa qua, đối chiếu với yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh ta trong 5 năm tới (2015-2020), xin đề xuất xác định **4 khâu đột phá** gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cấu trúc nền kinh tế nhằm phát triển bền vững, gồm: (1) Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là thủ tục hành chính, tinh giản bộ máy, biên chế; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; xây dựng chính quyền điện tử và thành lập trung tâm dịch vụ hành chính công; (2) Phát triển nguồn nhân lực trên cơ sở kết hợp hài hoà giữa nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, hoàn thiện cơ chế, chính sách, thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao; (3) Nâng cao hiệu quả ứng dụng, chuyển giao và làm chủ KHCN; tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; (4) Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, tập trung cho các công trình động lực, tạo sức lan tỏa.

Xin được làm rõ về đề xuất này:

**Về đẩy mạnh cải cách hành chính:** Vừa qua, tỉnh ta đã làm được nhiều việc và đã đạt được một số chuyển biến tiến bộ song nhìn chung cải cách hành chính còn chậm, thiếu đồng bộ; thủ tục hành chính còn phức tạp, phiền hà, đang là rào cản lớn đối với việc tạo lập môi trường xã hội, môi trường kinh doanh lành mạnh, minh bạch, hiệu quả cho sự phát triển. Đặc biệt, năng lực quản lý, điều hành của các cơ quan quản lý nhà nước còn nhiều hạn chế, yếu kém. Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) và chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), tuy có bước chuyển biến tích cực song vẫn nằm trong nhóm các tỉnh có chỉ số trung bình và trung bình thấp (đứng thứ 31/63 tỉnh, thành phố về chỉ số PAPI và thứ 29 về PCI)... Do đó, trong giai đoạn 2015-2020, vẫn cần xác định cải cách hành chính là khâu đột phá đầu tiên, trong đó trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, tinh giản bộ máy, biên chế; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; xây dựng chính quyền điện tử và thành lập trung tâm dịch vụ hành chính công nhằm tạo lập

môi trường cạnh tranh, bình đẳng; vừa khuyến khích làm giàu hợp pháp, khai thác các nguồn lực và tính năng động sáng tạo của các thành phần kinh tế, vừa khắc phục tình trạng làm giàu bất hợp pháp, tạo điều kiện để người nghèo vươn lên thoát nghèo, giảm chênh lệch giàu nghèo... Tỉnh cũng cần nghiên cứu và đề nghị Trung Ương cho phép tỉnh được áp dụng các cơ chế, chính sách ưu đãi để xây dựng, phát triển tỉnh đến năm 2020 và tầm nhìn 2030 trở thành một trong những trung tâm kinh tế của Tây nguyên và cả nước, gắn với tiếp tục hoàn thiện Đề án xây dựng, phát triển Đà Lạt và vùng phụ cận trở thành thành phố đặc thù trực thuộc Trung ương.

**Về phát triển nguồn nhân lực:** Nguồn nhân lực được coi là đột phá, một mặt xuất phát từ vai trò đặc biệt to lớn của yếu tố này xét trong các mối quan hệ giữa nội lực và ngoại lực, giữa các yếu tố của tăng trưởng (lao động, vốn đầu tư, tài nguyên thiên nhiên, thiết bị, kỹ thuật - công nghệ...), mặt khác xuất phát từ thực trạng, đặc biệt là những hạn chế, bất cập về cơ cấu lao động, về tỷ lệ lao động đã qua đào tạo, về năng suất lao động... của tỉnh ta trong thời gian qua.

Để đột phá về nguồn nhân lực của tỉnh trong thời gian tới, một mặt phải toàn dụng nguồn lao động (giảm tỷ lệ thất nghiệp, giảm tỷ lệ thiếu việc làm...), chuyển dịch cơ cấu lao động (chuyển lao động nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ...); mặt khác, quan trọng hơn là nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trọng tâm là nguồn nhân lực phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nhân lực cho phát triển du lịch, nhân lực ngành giáo dục, y tế, nhân lực lãnh đạo, quản lý..., nhằm nâng cao năng suất lao động - yếu tố cơ bản để tăng hiệu quả, sức cạnh tranh của từng sản phẩm, từng doanh nghiệp và toàn bộ nền kinh tế... Đột phá về nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực có chất lượng cao cần gắn với đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục quốc dân, tập trung cho việc nâng cao chất lượng giáo dục về cả hai mặt: dạy chữ, dạy kiến thức và dạy người, rèn luyện nhân cách. Cần phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi để xây dựng một số trường đại học chất lượng cao theo chương trình hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế. Đối với đào tạo nghề, cần phát triển mạnh về số lượng và cơ cấu theo yêu cầu của thị trường, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 70% vào năm năm 2020.

**Nâng cao hiệu quả ứng dụng, chuyển giao và làm chủ KHCN** gắn với tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Phát triển khoa học - công nghệ vừa là khâu đột phá, vừa là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Cần có cơ chế thúc đẩy đổi mới công nghệ theo hướng ứng dụng công nghệ mới, công nghệ hiện đại vào quản lý sản xuất, kinh doanh, nhất là ứng dụng công nghệ cao trong một số lĩnh vực như sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thu hoạch, bảo quản nông sản, công nghiệp chế biến nông sản, dịch vụ du lịch, bảo vệ môi trường sinh thái và hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước... Xây dựng một số trung tâm nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ cao...

**Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng:** Việc lựa chọn là khâu đột phá xuất phát từ vai trò và thực trạng của hệ thống kết cấu hạ tầng. Kết cấu hạ tầng là nền móng, là “đường dẫn” cho việc phát triển, cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Mặc dù việc đầu tư cho kết cấu hạ tầng thời gian qua đã thu hút một lượng vốn đáng kể, nhưng còn thấp so với yêu cầu phát triển và nhìn chung vẫn còn nhiều yếu kém, vẫn là điểm nghẽn lớn đến sự phát triển kinh tế xã hội. Sự yếu kém này làm giảm sức chống đỡ với thiên tai, chậm thời gian lưu thông hàng hoá, làm tăng chi phí, giảm hiệu quả và sức cạnh tranh, làm tăng chênh lệch mức sống giữa thành thị, nông thôn và giữa các vùng.

Bởi vậy, những năm tới đây, vấn đề xây dựng kết cấu hạ tầng vẫn cần xác định là khâu đột phá, tập trung cho các công trình động lực, tạo sức lan toả; trong đó chú ý hạ tầng giao thông đồng bộ, thông suốt giữa các vùng, huyện và giữa tỉnh ta với các tỉnh; hạ tầng thủy lợi đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp và ứng phó với biến đổi khí hậu; hạ tầng điện đảm bảo cung ứng đủ điện cho sản xuất và đời sống, hạ tầng thông tin cho hoạt động và quản lý xã hội...

Với tinh thần trên, việc lựa chọn bốn khâu đột phá: cải cách hành chính, phát triển nguồn nhân lực, ứng dụng khoa học công nghệ và xây dựng kết cấu hạ tầng chính là chìa khóa quan trọng để đẩy mạnh nền kinh tế xã hội của tỉnh phát triển nhanh và bền vững./.

**N.V.M**

❖ **Nguyễn Huệ trưởng TCT Lâm Đồng**



## TỪ QUAN ĐIỂM “NÓI ĐI ĐÔI VỚI LÀM” CỦA HỒ CHÍ MINH ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỰC TIỄN CỦA NGƯỜI CÁN BỘ HIỆN NAY

✦ Nguyễn Thị Thu Hương

“**N**ói đi đôi với làm” theo tinh thần của Hồ Chí Minh đòi hỏi: Một là, “Nói” phải đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, không được xuyên tạc, nói sai; Hai là, không được “nói một đằng, làm một nẻo”; Ba là, tránh nói, tránh hứa mà không làm. (Làm ở đây chính là hành động, là hoạt động thực tiễn, là tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước). Vậy, theo quan điểm “**Nói đi đôi với làm**” của Người không chỉ là nguyên tắc đạo đức, lẽ sống, phương châm hoạt động, mà còn là biểu hiện sinh động cụ thể của việc quán triệt sâu sắc nguyên tắc thống nhất giữa lý luận với thực tiễn. Với Người, hành động của Người từ việc nhỏ tới việc lớn, từ việc riêng tới việc chung, bao giờ cũng “miệng nói, tay làm, tai lắng nghe”.

Trong giáo dục cán bộ đảng viên, Người nói: Nếu cán bộ đảng viên tư tưởng và hành động không nhất trí, thì khác nào “trống đánh xuôi, kèn thổi ngược”. Trong quân ngũ, Người dạy “quân lệnh như sơn”. Trong gia đình, lời nói việc làm mẫu mực của cha mẹ đối với con cái. Trong nhà trường là tấm gương sáng của thầy cô đối với học sinh. Trong tổ chức tập thể tấm gương của người đứng đầu. Trong xã hội đó là tấm gương của những người này đối với người khác. Trong bằng hữu là tấm gương đối với bạn. Trong cơ quan, là tấm gương với đồng nghiệp. Tấm gương ở đây là nói đi cùng với hành động để chứng minh là mình làm. Hồ Chí Minh luôn phê phán những cán bộ chỉ biết nói, mà không biết làm dù chỉ là một việc nhỏ. Người yêu cầu cán bộ, đảng viên đã nói thì phải làm, “Nói ít, bắt đầu bằng hành động”, “tốt nhất là miệng nói, tay làm, làm gương cho người khác bắt chước”.

Hiện nay, chúng ta đang thực hiện việc học tập, quán triệt phương châm “**Nói đi đôi với làm**” của Người. Để thực hiện phương châm “**Nói đi đôi với làm**” của Chủ tịch Hồ Chí Minh, mỗi cán bộ, đảng viên cần thực hiện tốt những điều sau:

Một là, người cán bộ phải là người đi đầu gương mẫu. Mỗi cán bộ, đảng viên phải thực sự trở thành tấm gương sáng cho mọi người noi theo. Người căn dặn “*Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta*

*được họ yêu mến. Quần chúng chỉ yêu mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước*”. Điều này càng đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên từ việc nhỏ đến lớn, từ việc riêng đến việc chung, từ trong cuộc sống đến công việc thường ngày luôn luôn phải nỗ lực thực hiện tốt phương châm với 5 chữ “**Nói đi đôi với làm**”.

Thứ hai, người cán bộ phải học tập và rèn luyện đạo đức cách mạng. Người cán bộ luôn học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Thực hiện nghiêm yêu cầu về rèn luyện phẩm chất, đạo đức của cán bộ, đảng viên mà Đại hội XI của Đảng đã đề ra: “*Mỗi cán bộ, đảng viên không ngừng tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, thực sự là một tấm gương về phẩm chất, đạo đức, lối sống. Cán bộ cấp trên phải gương mẫu trước cán bộ cấp dưới, đảng viên và nhân dân*”. Mỗi cán bộ, đảng viên phải tự mình phấn đấu thực hiện tốt lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh “*Đảng viên làm bất kỳ việc gì cũng phải gương mẫu*”.

Thứ ba, người cán bộ phải thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, tinh thần tự phê bình và phê bình. Kiên quyết thực hiện đúng phương châm “**Nói đi đôi với làm**”, đã nói phải làm, đã làm phải dám chịu trách nhiệm, đó là tinh thần tự phê bình và phê bình. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sớm phát hiện những biểu hiện sai lệch trong cách nói, cách làm trong công việc. Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tự phê bình và phê bình trước hết là trong tổ chức Đảng. Trong đánh giá “*lấy hiệu quả thực tế của công tác và sự tín nhiệm của nhân dân làm thước đo chủ yếu*”.

Thứ tư, người cán bộ phải tiếp tục đổi mới phong cách, lề lối làm việc. Trong cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương đến địa phương, cơ sở cần đổi mới cách thức làm việc. Mỗi cán bộ, đảng viên, không ngừng nỗ lực phấn đấu thực hiện tốt việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, góp phần thiết thực thực hành phong cách làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh “**Nói đi đôi với làm**”.

Thứ năm, người cán bộ phải có cái tâm, cái đức trong sáng. Bác nói: “...Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình ✦ **Xem tiếp trang 9**

## TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP VÀ SÁCH LƯỢC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH NHẪM BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG NON TRẺ

❖ *Ths Lê Quang Sơn*

Cách mạng Tháng 8 thành công, ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt quốc dân đồng bào đọc bản Tuyên ngôn độc lập tại Quảng trường Ba Đình khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (VNDCCH), tuyên bố với thế giới rằng, từ nay nhân dân Việt Nam có quyền hưởng tự do, độc lập.

Nhưng kẻ thù không muốn như vậy. Nước Pháp trong chiến tranh Thế giới thứ 2, bị Phát xít Đức chiếm đóng, thực dân Pháp ở Đông Dương đầu hàng quân Nhật, nhưng khi Nhật đầu hàng quân đồng minh, thì thực dân Pháp lại quay trở lại hòng cướp nước ta một lần nữa. Theo Hiệp định Poxdam, ở Việt Nam, Miền Bắc từ vĩ tuyến 16 trở ra, quân Trung hoa Dân quốc có trách nhiệm giải giáp quân Nhật. Ở Miền Nam, quân Anh tiến vào giải giáp quân Nhật. Nền hòa bình, độc lập của dân tộc ta mới giành được đang có nguy cơ bị đổ vỡ. Ở Miền Bắc, quân Tưởng với kế hoạch “Hoa quân nhập Việt” với âm mưu “diệt cộng cầm Hồ”, chúng đưa 20 vạn quân vào nước ta với ý đồ lật đổ và thay thế chính quyền cách mạng của ta bằng chính quyền tay sai đã chuẩn bị sẵn và biến Miền Bắc Việt Nam thành chư hầu của Trung Quốc. Vào Miền Bắc theo chân quân Tưởng là các đảng phản động Việt Nam Quốc dân Đảng (Việt Quốc) và Việt Nam Cách mạng Đảng (Việt Cách). Được sự hậu thuẫn của đội quân chiếm đóng do tướng Lư Hán cầm đầu, hai đảng Việt Quốc, Việt cách chống đối quyết liệt đường lối của chính phủ cách mạng VNDCCH. Quân Tưởng Giới Thạch vào nước ta gồm nhiều phe phái, nhưng chung chung một thái độ là kiêu căng, hống hách, ngạo mạn và không công nhận chính quyền cách mạng của ta. Tình hình lúc đó rất căng thẳng, có lúc cụ Huỳnh Thúc Kháng đã phải nói với Chủ tịch Hồ Chí Minh: “*Nó khinh mình quá lắm, không chịu nổi nữa, cứ đánh đi, ra sao thì ra*”<sup>(1)</sup>. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kiên trì giải thích cho cụ Huỳnh về đường lối, chính sách nhằm thực hiện một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, đem lại tự do và hạnh phúc cho nhân dân. Nhiệm vụ chiến lược khó khăn, phức tạp nhất lúc này là giữ vững chính quyền cách mạng và có thì giờ xây dựng lực lượng về mọi mặt. Vì vậy phải thực hiện sách lược hòa hoãn với bọn Tưởng bằng những biện pháp thích hợp.

Với kết quả của cuộc tổng tuyển cử ngày 06/01/1946, Quốc hội của nước VNDCCH được bầu lên bằng quyền dân chủ của nhân dân. Đây là sự thắng lợi chính trị to lớn của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Quân Tưởng và các đảng phái phản động điên cuồng gây sức ép. Để giữ vững chính quyền cách mạng, tranh thủ thời gian, giành công sức đối phó với quân Pháp ở Miền Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khôn khéo thỏa hiệp chấp nhận cho 2 đảng Việt Quốc và Việt Cách được 70 ghế trong Quốc hội mà không thông qua bầu cử (20 đại biểu Việt Cách, 50 đại biểu Việt Quốc). Quốc hội đầu tiên nước ta gồm 329 đại biểu trong đó có 259 đại biểu là Việt Minh và cảm tình với Việt Minh. Nguyễn Hải Thần đứng đầu Đảng Việt Cách được giữ chức Phó Chủ tịch Chính phủ Liên hiệp kháng chiến.

Ở Miền Nam, tại Sài Gòn, đêm 22/9/1945, quân Pháp với sự yểm trợ của quân Anh đã gây hấn chiếm trụ sở của UBND và các công sở của ta mở màn cho kế hoạch tái chiếm Đông Dương.

Tháng 01/1946, quân Anh rút khỏi Miền Nam Việt Nam, hoàn thành xong việc giải giáp quân Nhật và trao Miền Nam Việt Nam cho thực dân Pháp. Mặc dù bị nhân dân Miền Nam chống cự quyết liệt, nhưng quân Pháp vẫn chuẩn bị tấn công ra Miền Bắc trong khi quân Tưởng vẫn còn ở lại Miền Bắc nước ta. Đồng thời ở Miền Bắc vẫn còn khoảng 30 ngàn quân Nhật đang giải giáp. Chính quyền cách mạng non trẻ đang đứng trước nhiều kẻ thù, trong đó 2 kẻ thù chính là quân Pháp và quân Tưởng với những âm mưu, thủ đoạn nham hiểm.

Đối với Pháp, một mặt rất nôn nóng muốn tái chiếm Miền Bắc, nhưng ngại đương đầu với quân Tưởng. Ngược lại quân Tưởng ở Việt Nam đang lo lắng về việc Tưởng Giới Thạch ở Trung Quốc đang phải đối phó với phong trào cách mạng của nhân dân do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo. Chúng sợ không có đường về. Vì vậy, Pháp Tưởng thỏa thuận với nhau bằng Hiệp ước Hoa - Pháp ngày 28 tháng 2 năm 1946 cho phép quân Pháp thay thế quân Tưởng ở Miền Bắc nước ta từ ngày 1 đến ngày 15 tháng 3 và hoàn tất vào ngày 31 tháng 3 năm 1946, nhưng với một điều kiện là “*Tưởng chỉ chấp nhận cho quân Pháp lên Miền*



**Kỷ niệm các ngày lễ lớn**

*Bắc Việt Nam trong trường hợp Pháp ký được một hiệp định với chính phủ Việt Nam*”<sup>(2)</sup>. Như vậy, sự khôn khéo ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh mặt nào đã nhận được sự hậu thuẫn của Tưởng. Điều khoản này đã thúc ép thực dân Pháp phải ký một hiệp định sơ bộ ngày 06/3/1946 với Chính phủ Việt Nam công nhận nước VNDCCH là một nước tự do, có chính phủ, có nghị viện, có quân đội, có tài chính riêng, ở trong Liên bang Đông Dương, nằm trong Liên hiệp Pháp, chính phủ Pháp cam đoan thừa nhận kết quả trưng cầu ý dân về vấn đề thống nhất 3 kỳ. Cùng với Hiệp định sơ bộ, kèm theo là một Hiệp định phụ, Chính phủ ta chỉ cho 15 ngàn quân Pháp vào Miền Bắc và phải rút hết sau 5 năm, mỗi năm 1/5 quân số. Hai bên đình chỉ ngay xung đột để mở đàm phán chính thức và trong khi đàm phán, quân đội 2 bên ở đâu vẫn đóng ngay ở đấy. Thế nhưng Hiệp định sơ bộ 6/3 sớm bị bọn thực dân hiếu chiến Pháp phá hoại. Tuy nhiên Hiệp định sơ bộ 6/3 đã giúp ta tạm hòa với Pháp, nhanh chóng gạt 20 vạn quân Tưởng về nước và tranh thủ thời gian chuẩn bị lực lượng về mọi mặt để bước vào cuộc chiến sau này với Pháp. Về đối nội, sau khi quân Tưởng rút về nước, không còn cơ sở chính trị hậu thuẫn, 2 đảng Việt Quốc, Việt Cách tự tan rã, lãnh tụ 2 đảng đã theo quân Tưởng sang Trung Quốc.

Sau ngày tuyên bố độc lập, tình thế cách mạng

nước ta như “ngàn cân treo sợi tóc” nhưng với tài thao lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chính quyền cách mạng của nhân dân đã được giữ vững, tạo thời cơ, từng bước giành thắng lợi toàn diện về sau. Đánh giá về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Saiteny, người thay mặt Chính phủ Pháp tại Đông Dương ký Hiệp định sơ bộ 6/3 với Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận định: “Để đạt được mục đích cuối cùng, Hồ Chí Minh khôn khéo tỏ ra ít đòi hỏi hơn các đối thủ của ông. Trong khi những người này đòi bằng được nền độc lập hoàn toàn và ngay lập tức, coi đó như điều kiện sơ bộ cho mọi cuộc đàm phán, mọi sự thỏa thuận thì Hồ Chí Minh lại tuyên bố rằng, ông nhận thức rất rõ không thể đạt được ngay tức khắc, ông biết tạm thừa nhận một nền độc lập tương đối, tin vào lời tuyên bố của nước Pháp là một thời gian ngắn sắp tới sẽ trao trả nền độc lập hoàn toàn cho đất nước ông. Về điểm này, ông rất thành thật. Ông đấu tranh cho mục đích này trong 30 năm, ông biết chờ thêm một thời gian nữa”<sup>(3)</sup>./

**L.Q.S**

**❖ Trưởng Khoa Dân vận**

- (1) Mai Văn Bộ, Con đường vạn dặm của Hồ Chí Minh, NXB trẻ, Tp HCM, tr 351.
- (2) Mai Văn Bộ, Con đường vạn dặm của Hồ Chí Minh, NXB trẻ, Tp HCM, tr 358.
- (3) Jean Saiteny, Câu chuyện về một nền hòa bình bị bỏ lỡ, NXB Công an nhân dân, tr 226.

**👉 Tiếp theo trang 7      TỪ' QUAN ĐIỂM "NÓI ĐI ĐÔI..."**

phải làm mực thước cho người ta bắt chước”. *“Tự mình phải chính trước, mới giúp người khác chính. Mình không chính mà muốn người khác chính là vô lý”*. *“Nếu chính mình tham ô bảo người ta liêm khiết có được không? Không được. Mình trước hết phải siêng năng trong sạch thì mới bảo người ta trong sạch, siêng năng được”*. Người dạy *“nói và làm là tự bản thân mỗi người, bản thân người được nói để người khác nghe theo thì phải là con người lòng dạ trong sáng, phải chính tâm, phải thật sự là tấm gương”*.

Lời nói đi đôi với việc làm, đây là một trong những đạo lý làm người, mà Chủ tịch Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng cho mọi thế hệ học tập và làm theo. Người nhắc nhở: *“Nói cái gì phải cho tin - nói và làm cho nhất trí - làm thế nào cho dân tin”*.

Trong suốt cuộc đời mình, Người đã giáo dục mọi người và chính bản thân Người đã thực hiện điều đó một cách nghiêm túc và đầy đủ nhất. Ở

Người luôn thực hiện lời nói đi đôi với hành động, lý luận luôn đi đôi với thực tiễn, nói là để mà làm, làm phải đúng như điều đã nghĩ, nói. Người nói ít, nhưng làm nhiều, làm sai rồi sửa, sửa rồi làm lại cho đúng, sai rồi phải phê bình cải tạo.

Những điều Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn, không chỉ là bài học tư tưởng quý giá, mà còn có ý nghĩa thiết thực đối với mỗi người cán bộ, đảng viên chúng ta ngày hôm nay, nhất là trong bối cảnh Việt Nam đang trên đà hội nhập quốc tế, song hành cùng đó là ra sức đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Hồ Chí Minh, để mỗi cán bộ, đảng viên thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm, tính tiên phong, gương mẫu trong thực hiện và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ, để Việt nam ngày càng khẳng định được vị thế của mình trên trường quốc tế, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh./

**N.T.T.H**

**❖ Trưởng Khoa Xây dựng Đảng**

## QUAN ĐIỂM SÁNG TẠO CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

❖ Chu Thị Thu Trang

**T**rong suốt quá trình đấu tranh cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn kiên định: “Chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, là lý tưởng của Đảng; đi lên chủ nghĩa xã hội là yêu cầu khách quan, là con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam”. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là quan điểm cơ bản và là điểm cốt yếu trong di sản tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội là sự thống nhất biện chứng giữa các nhân tố kinh tế, chính trị, xã hội với các nhân tố nhân văn, đạo đức, văn hóa. Người đã nhận thức tính tất yếu và bản chất của chủ nghĩa xã hội là kết quả tác động tổng hợp của các nhân tố: truyền thống và hiện tại; dân tộc và quốc tế.


Để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp thu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội, đã vận dụng và phát triển một cách sáng tạo, phù hợp với thực tế Việt Nam. Người đã chứng minh tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở cả 3 cấp độ: trên quy mô nhân loại, châu Á và cuối cùng là ở Việt Nam. Quan điểm sáng tạo của Người về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam thể hiện:

*Thứ nhất*, xây dựng chủ nghĩa xã hội là bước phát triển tất yếu ở Việt Nam vì con đường cách mạng vô sản là con đường duy nhất để giải phóng dân tộc. Do nhu cầu của cách mạng Việt Nam là cùng một lúc phải giải quyết triệt để cả 3 vấn đề: dân tộc, dân chủ và dân sinh; do có sự tương đồng giữa tư tưởng thân dân, nhân nghĩa, đoàn kết của văn hóa truyền thống Việt Nam với tư tưởng cộng đồng và mục tiêu giải phóng con người của chủ nghĩa xã hội nên xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là một tất yếu. Cụ thể, Hồ Chí Minh luận giải sự ra đời và bản chất của chủ nghĩa xã hội từ phương diện kinh tế, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Người cho sự hình thành, phát triển và chín muồi của chủ nghĩa xã hội là một tất yếu mà nguyên nhân sâu xa chính là do sự phát triển của lực lượng sản xuất xã hội.

*Thứ hai*, tư tưởng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam của Hồ Chí Minh xuất phát từ lập trường yêu nước, *khát vọng*, nhu cầu giải phóng con người, giải phóng dân tộc một cách triệt để (theo cấp độ từ thấp đến cao: giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng từng cá nhân để hình thành những nhân cách phát triển toàn diện). Người chỉ rõ: Chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và giai cấp công nhân toàn thế giới. Như vậy, chỉ có chủ nghĩa xã hội mới thực sự đem lại độc lập, tự do, bình đẳng cho các dân tộc.

*Thứ ba*, Hồ Chí Minh tiếp cận chủ nghĩa xã hội từ phương diện đạo đức. Người cho rằng: chủ nghĩa xã hội đối lập, xa lạ với chủ nghĩa cá nhân, nhưng không hề phủ nhận cá nhân, trái lại, đề cao, tôn trọng con người và các giá trị cá nhân, phát triển mọi năng lực cá nhân vì phát triển xã hội và hạnh phúc con người. Trong tác phẩm “Thường thức chính trị”, Người viết: “Chủ nghĩa cộng sản ra đời thì lúc đó mọi người đều sống có đạo đức”. Chủ nghĩa xã hội là giai đoạn phát triển mới của đạo đức, nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người và giải phóng cả loài người và sự ra đời của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là một tất yếu đạo đức xã hội.

*Thứ tư*, Hồ Chí Minh tiếp cận chủ nghĩa xã hội từ truyền thống lịch sử, văn hóa và con người Việt Nam. Lịch sử Việt Nam có truyền thống chống giặc ngoại xâm ngay từ buổi đầu lập nước. Những truyền thống tốt đẹp về lịch sử, văn hóa và con người Việt Nam đã giúp Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội đến với nhân dân Việt Nam như là một tất yếu.

Hồ Chí Minh đã đưa văn hóa thâm nhập vào bên trong của chính trị và kinh tế, tạo nên sự thống nhất biện chứng giữa các yếu tố văn hóa, chính trị, kinh tế và các mục tiêu phát triển xã hội. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ nghĩa xã hội là hình thái phát triển mới của văn hóa, là đỉnh cao của nền văn minh nhân loại, do đó, quá trình hình thành và phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam lại càng phải gắn  *Xem tiếp trang 17*



## HỒ CHÍ MINH VỚI VẤN ĐỀ "THẢO LUẬN TRONG ĐẠI HỘI ĐẢNG"

❖ Ngô Thị Thu Hằng

Năm 2015 là năm cuối thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2011-2015); năm giữa kỳ thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm; năm tổ chức Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội lần thứ XII của Đảng; là năm có nhiều sự kiện trọng đại trong đời sống chính trị của đất nước; động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc để đất nước phát triển bền vững.

Theo Chỉ thị 36-CT/TW ngày 30/5/2014 của Bộ Chính trị về đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng. Chỉ thị yêu cầu “Lãnh đạo và tổ chức tốt việc thảo luận các quan điểm, chủ trương, định hướng lớn nêu tại dự thảo các văn kiện của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng và đại hội Đảng bộ cấp trên. Báo cáo của Ban chấp hành đảng bộ cần đánh giá đúng tình hình thực hiện nghị quyết của đại hội nhiệm kỳ 2010-2015, kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”; làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm; đề ra mục tiêu, nhiệm vụ của đảng bộ trong nhiệm kỳ tới<sup>(1)</sup>. Trong đó, một trong những khâu đặc biệt quan trọng, yếu tố có tính quyết định để nâng cao chất lượng, góp phần thành công của đại hội đảng là khâu thảo luận trong đại hội. Khâu chuẩn bị văn kiện trước đại hội và trong quá trình thảo luận ở đại hội chính là “đưa cuộc sống vào nghị quyết”.

Bàn về vấn đề thảo luận trong đại hội Đảng. Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề cập vấn đề thảo luận trong đại hội Đảng nói chung và thảo luận Điều lệ Đảng nói riêng. Tháng 9/1960, Đại hội đại biểu lần thứ III của Đảng mới diễn ra, vậy mà từ cách đó 5 tháng, với bút danh T.L Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết bài “Một cách thảo luận dự thảo Điều lệ Đảng” đăng trên Báo Nhân Dân ngày 3/4/1960. Bài báo có đoạn viết: *Đại hội Đảng “là một dịp rèn luyện chính trị rất quan trọng và rất rộng khắp cho toàn Đảng. Cho nên tất cả các đảng viên cần phải hăng hái tham gia*

*thảo luận*”. “Đại hội Đảng rất quan hệ đến tương lai cách mạng của Đảng ta và nhân dân ta. Đại hội sẽ làm cho Đảng ta đã đoàn kết càng đoàn kết hơn nữa, tư tưởng và hành động đã nhất trí, càng nhất trí hơn nữa. Cho nên, toàn thể đồng chí ta phải thảo luận kỹ càng các đề án và đóng góp ý kiến dồi dào, để đảm bảo đại hội thành công thật tốt đẹp...”<sup>(2)</sup>.

Học tập và làm theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, mỗi cán bộ, đảng viên cần nhận thức sâu sắc thảo luận, tranh luận là một trong những hình thức sinh hoạt đảng, phát huy trí tuệ, tiếp cận chân lý, để thống nhất nhận thức, hành động trên cơ sở nguyên tắc tập trung dân chủ. Bác yêu cầu “toàn thể các đồng chí ta phải thảo luận kỹ càng các đề án, đóng góp ý kiến sôi nổi...”. Trong khuôn khổ một đại hội, thời gian có hạn mà “toàn thể các đồng chí ta phải thảo luận kỹ các đề án...” là một việc không dễ, phải khéo tổ chức bằng nhiều hình thức thì mới làm được. Điều này yêu cầu trách nhiệm của tiểu ban chuẩn bị văn kiện và trách nhiệm của các đại biểu tham gia đại hội. Thảo luận, tranh luận trong đại hội Đảng là sự “gặp gỡ” của những người cùng chung một lý tưởng, cùng một mục tiêu, trao đổi quan điểm, ý kiến khác nhau giải quyết những vấn đề lý luận, thực tiễn đặt ra, nhằm tiếp cận chân lý, tìm ra những giải pháp hữu hiệu nhất trên con đường tiến tới mục tiêu. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định thảo luận trong đại hội Đảng phải nhằm vào 3 điều: Nâng cao đạo đức cách mạng cho đảng viên; đoàn kết và củng cố tốt chi bộ; đẩy mạnh và hoàn thành tốt những nhiệm vụ Đảng đã đề ra. Do vậy, trong tranh luận, thảo luận tại đại hội Đảng, có những ý kiến khác nhau hoặc hoàn toàn không khớp nhau là chuyện đương nhiên. Sự nhất trí quá dễ dàng, không cần đến tranh luận, thảo luận không phải lúc nào cũng chứng tỏ sự thống nhất cao, sức mạnh thật sự của một tập thể. Tuy nhiên, những người có ý kiến bất đồng sâu sắc đến mấy cũng luôn luôn phải coi nhau như đồng chí, thật sự thành thật và lắng nghe ý kiến của nhau, phải gạt bỏ tư tưởng hiếu thắng và tìm mọi cách để “chân lý thuộc về mình”.

Đại hội là cơ quan quyền lực cao nhất của Đảng, nơi tập trung trí tuệ của toàn Đảng quyết

định những vấn đề trọng yếu như Cương lĩnh, đường lối, chiến lược phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, xây dựng Đảng, đối ngoại, an ninh, quốc phòng và bầu ra cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng. Vì vậy, các đại biểu được cử đi dự đại hội đảng phải là những người có đầy đủ phẩm chất, tư cách, được đại hội đảng cấp dưới bầu và điều quan trọng nhất là họ phải là những người tiêu biểu cho trí tuệ, nguyện vọng của đảng viên, quần chúng nhân dân mà họ đại diện.

Thứ nhất, các đại biểu đi dự đại hội là những người đại diện cho đông đảo đảng viên, của quần chúng nhân dân, mang theo những ý kiến, kiến nghị, tâm huyết và cả những bức xúc của cơ sở, tổ chức đến với đại hội. Vì vậy tất cả các đảng viên, các ý kiến của các đại biểu phải được bình đẳng như nhau. Mỗi ý kiến của đại biểu đều được chất lọc từ hàng trăm ý kiến của đảng viên từ địa phương, cơ sở, phản ánh thực tiễn một cách sinh động. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhắc nhở: Phải thật sự mở rộng dân chủ để tất cả các đảng viên bày tỏ hết ý kiến của mình; phải gom góp ý kiến của đảng viên để giúp đỡ Trung ương chuẩn bị đại hội cho thật tốt. Ở đây cần tuyệt đối tránh hiện tượng cho rằng chỉ có ý kiến của mình là đúng đắn, sáng suốt hơn cả. Tranh luận, thảo luận trong đại hội Đảng lại càng tuyệt đối tránh tình trạng có hành động công khai hoặc kín đáo để hạn chế tiếng nói của những người có ý kiến trái ngược.

Thứ hai, tính biện chứng trong thảo luận, tranh luận cũng cần được chú ý. Tức là, một mặt cần tránh việc phát biểu một chiều hay cường điệu hóa một khía cạnh nào đó, mặt khác không được lẫn lộn giữa biện chứng với chiết trung, nghĩa là tránh dung hòa những ý kiến khác nhau, chấp nhận ở mỗi ý kiến một phần nội dung nào đó, tạo thành ý kiến cuối cùng mang tính hỗn hợp, có vẻ như “chân lý tương đối”, trong đó mọi người đều cảm thấy có phần của mình trong đó. Thực ra, cách giải quyết đó là theo kiểu “hòa cả làng”.

Thứ ba, luôn luôn lấy thực tiễn cuộc sống, phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân làm thước đo, kiểm nghiệm ý kiến của mình và của người khác là một thước đo sự đúng đắn. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: khi thảo luận trong đại hội Đảng, mỗi đồng chí phải liên hệ đúng đắn, phải thành khẩn tự phê bình tư tưởng và công tác của mình, sửa chữa những khuyết điểm để cùng cố tốt chi bộ và để rèn luyện mình trở thành người đảng viên tốt. Việc phân công đại biểu thảo luận, tham luận trong đại hội cũng là việc cần bàn. Trên

cơ sở thành phần, cơ cấu, ngành nghề, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của từng đại biểu được bầu đi dự đại hội mà các đoàn có sự phân công một số đại biểu chuẩn bị những ý kiến, tham luận để thảo luận trong đại hội ở cấp trên, dù bất kỳ vấn đề đó có được đoàn chủ tịch, ban tổ chức đại hội phân công, gợi ý hay không. Tránh tình trạng chỉ một số đại biểu được phân công viết tham luận thì mới chuẩn bị còn các đại biểu khác đi chỉ có mỗi nhiệm vụ giơ tay biểu quyết là không đúng tinh thần chỉ đạo của Đảng.

Cuối cùng, nguyên tắc sinh hoạt đảng cần quán triệt, thực hiện trong quá trình tranh luận, thảo luận là dù cuộc tranh luận, thảo luận có gay gắt, sôi nổi đến đâu rồi cũng phải đến lúc kết thúc, mặc dù trên thực tế vẫn còn rất nhiều ý kiến khác nhau. Đến lúc này, nguyên tắc tập trung dân chủ phải được thực hiện. Thiểu số phục tùng đa số. Cần ngăn chặn, loại bỏ ngay tình trạng sau khi đại hội đã biểu quyết thông qua có những đảng viên không tán thành với ý kiến của đa số vẫn đứng ra chứng minh, bảo vệ ý kiến của mình và cho rằng như thế mới là “dân chủ triệt để”. Thực ra, như thế là phản dân chủ vì ý kiến của đa số đại biểu không được tôn trọng. Tình trạng này nếu không được ngăn chặn, loại bỏ sẽ dẫn đến hiện tượng bè phái, một nguy cơ làm suy yếu sự thống nhất trong tổ chức đảng và nếu để lâu dài phá hoại sự thống nhất cũng như thành tựu mà nền dân chủ đạt được.

Hiện nay, với niềm phấn khởi, tự hào, chúng ta tin tưởng vững chắc rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ hoàn thành xuất sắc trọng trách của mình. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta chung sức, đồng lòng, nỗ lực phấn đấu xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất, dân chủ, giàu mạnh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đang ra sức phấn đấu thực hiện Cương lĩnh của Đảng, Hiến pháp của Nhà nước, đẩy mạnh toàn diện và đồng bộ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mở cửa hội nhập quốc tế, thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh./

**N.T.T.H**

**❖ Khoa Dân vận**

- (1) Chỉ thị 36-CT/TW ngày 30/5/2014 của Bộ Chính trị
- (2) Hồ Chí Minh, Toàn tập, NXBCTQG, 2002, t.10, tr. 117, 119.



## "NÓI PHẢI ĐI ĐÔI VỚI LÀM", MỘT NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

❖ Phan Cảnh Lộc

**D**ân tộc ta có truyền thống trọng đạo đức. Trong khi đề cao các chuẩn mực đạo đức cần có, nhân dân ta cũng đòi hỏi nó phải được thể hiện trong hành vi hàng ngày, tức là trong thực hành đạo đức.

Không ở lĩnh vực nào mà sự đòi hỏi lời nói phải đi đôi với việc làm lại đặt ra như ở trong lĩnh vực đạo đức. Điều này đã được Hồ Chí Minh nêu ra ngay trong *Đường Kách mệnh*, khi nói về tư cách của một người kách mệnh. Trong suốt cuộc đời mình, Người đã giáo dục mọi người và chính bản thân Người đã thực hiện điều đó một cách nghiêm túc và đầy đủ nhất. Hơn nữa, chúng ta còn thấy Người nói ít nhưng làm nhiều, có nhiều vấn đề đạo đức Người làm mà không nói. Phải đi thật sâu vào hành vi đạo đức của Người, chúng ta mới khám phá ra được những tầng bản chất sâu xa tư tưởng đạo đức của Người.

Đạo đức Hồ Chí Minh không phải là đạo đức tu thân mà là đạo đức dân thân, tức là đạo đức gắn liền với hành động; chủ nghĩa *hành động* ở Hồ Chí Minh vượt lên trên tất cả các tư tưởng đạo đức khác, chỉ có hành động mới cải tạo được thế giới (tự nhiên, xã hội, con người) đã kết hợp được với tinh thần cải tạo thế giới của chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa đó được biến vào trong sự thực hành độc đáo của Hồ Chí Minh. Nói dễ làm, nhất là nói về đạo đức phải đi đôi với thực hành đạo đức, mà phải làm có hiệu quả, nếu một người làm việc gì cũng không có hiệu quả thì theo Hồ Chí Minh không thể coi là một người có đạo đức. Người nói: “Phải lấy kết quả thiết thực đã góp sức bao nhiêu cho sản xuất và lãnh đạo sản xuất mà đo ý chí cách mạng của mình ...”.

Ở Hồ Chí Minh luôn luôn có sự nhất quán giữa nói và làm, giữa giáo dục đạo đức và thực hành đạo đức. Người nói: “Cả đời tôi chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi của Tổ quốc, và hạnh phúc của quốc dân. Những khi tôi phải ẩn nấp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo - là vì mục đích đó”. Cho đến trước khi qua đời, Người còn viết trong Di chúc: “Suốt đời tôi hết lòng, hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù

phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa”.

Cả cuộc đời Người là bằng chứng cảm động cho sự nhất quán tuyệt vời giữa nói và làm đạo đức. Nhờ kiên trì thực hành đạo đức mà Người đã để lại cho dân tộc ta tấm gương “có một không hai” về đạo đức của một vị lãnh tụ thực sự của nhân dân.

Hồ Chí Minh không phải là một ông thánh. Hồ Chí Minh cũng chỉ là một con người bình thường. Sở dĩ Hồ Chí Minh trở thành một nhà đạo đức chân chính đã để lại cho chúng ta một tấm gương đạo đức sáng ngời là vì suốt đời Người đã không ngừng hoàn thiện mình theo lý tưởng chân, thiện, mỹ; gương mẫu từ việc lớn đến việc nhỏ, nên đã thực hiện được sự nhất quán giữa đời công và đời tư, giữa vĩ nhân và người bình thường, giữa đạo đức cách mạng với đạo đức hàng ngày.

Lời nói phải đi đôi với việc làm, nói được, làm được sẽ mang lại thành công, được nhiều người hưởng ứng và làm theo. Nếu chính mình tham ô mà bảo người khác liêm khiết thì không được. Nếu nói rằng phải cần kiệm liêm chính, mà bản thân mình lại lười lao động, lười học tập, không hoàn thành những công việc được giao, không tiết kiệm, sống hoang phí, xa hoa, luôn tìm cách tham ô, bòn rút tiền của nhà nước và nhân dân, tâm không trong sáng... thì sẽ không hiệu quả và không có tính thuyết phục.

Khi đứng trước ngôi nhà sàn không mây may dấu vết của quyền lực, của cải, không cảm thấy xa lạ mà còn thấy rất gần thân quen, gần gũi, nhà thơ Cuba Felix Pita Rodrigues nhận xét: “Người chỉ sử dụng cho mình những gì tối cần thiết. chứ không phải là bất cứ cái gì cần thiết. Chiếc giường, tủ quần áo, chiếc bàn, chiếc ghế, cái giá sách. Những thứ cần cho công việc và nghỉ ngơi để lấy lại sức làm việc. Chỉ có thể thôi, không gì hơn nữa. Đó cũng chính là phong cách sinh hoạt của Hồ Chí Minh mà ở đó nhiều nét đã trở thành huyền thoại, không chỉ đối với nhân dân Việt Nam mà còn đối với cả thế giới. Sống trong ngôi nhà sàn đơn sơ là một người” ❖ *Xem tiếp trang 19*

## Ý NGHĨA LỊCH SỬ NGÀY QUỐC KHÁNH 2/9

❖ *Phạm Hồng Hải*

Những ngày này, cả nước ta tung bừng chào mừng ngày Quốc khánh 2/9. Cách đây 70 năm, trong mùa thu lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Từ sáng sớm ngày 2/9, hàng chục vạn người với hàng ngũ chỉnh tề, cờ hoa khoe sắc, áo quần màu đỏ tươi dồn về phía Ba Đình. Lễ đài bằng gỗ đơn sơ được dựng lên giữa Quảng trường Ba Đình; các đội tự vệ vũ trang cùng những đơn vị Quân Giải phóng đội mũ ca lô, quần phục nghiêm trang, hàng ngũ thẳng tắp đứng trước lễ đài; hơn 50 vạn người đại diện cho mọi tầng lớp nhân dân, nét mặt hân hoan phấn khởi chờ đón giờ khai sinh của chế độ mới - nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Cùng giờ này, nhiều cuộc mít tinh lớn được tổ chức tại Huế, Sài Gòn và nhiều thành phố khác. Muôn triệu trái tim hồi hộp hướng về Hà Nội, đợi chờ.

Đúng 14 giờ, Hồ Chủ tịch và các vị trong Chính phủ lâm thời ra lễ đài. Bản nhạc Tiến quân ca hùng tráng vang lên, mọi ánh mắt đều hướng về lá cờ đỏ sao vàng đang từ từ kéo lên. Hàng chục vạn bàn tay nắm chặt gờ lên ngang tai, biểu thị lòng quyết tâm và ý chí sắt đá, kính chào lá cờ vinh quang của Tổ quốc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh giản dị trong bộ quần áo ka ki và đôi dép cao su tiến ra trước máy phóng thanh. Thay mặt Chính phủ lâm thời- tức là Ủy ban Dân tộc giải phóng Trung ương - Người đọc Bản Tuyên ngôn Độc lập. Lời nói của Người trang trọng đậm âm vang trên Quảng trường Ba Đình lịch sử. Người khẳng định: *“Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!”*.

Người trình trọng tuyên bố trước toàn thể giới: *“Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và thật sự đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”*. Đọc nửa chừng, Người dừng lại hỏi: *“Tôi nói, đồng bào nghe rõ không?”*. Hơn 50 vạn người cùng đáp *“Có!”*.

Tuyên ngôn Độc lập là văn kiện lịch sử có ý nghĩa vô cùng trọng đại đối với vận mệnh của dân tộc. Nó tiếp nối truyền thống anh hùng bất khuất của cha ông thuở trước. Thời thế đã đổi thay, song chí khí hào hùng của nhân dân ta trong thơ Lý

Thường Kiệt *“Nam quốc sơn hà Nam đế cư..”*, trong *“Bình Ngô đại cáo”* của Nguyễn Trãi vẫn thấm đượm trong từng lời, từng chữ của Tuyên ngôn.

Tuyên ngôn Độc lập là bản hùng ca viết tiếp những trang sử huy hoàng của ngàn năm về trước, đã đánh dấu thắng lợi của một thế kỷ ngoan cường chống Thực dân và Phong kiến và mở ra một kỷ nguyên mới trên đất nước ta, lần đầu tiên người dân Việt Nam có quyền ngẩng cao đầu, tự hào mình đã trở thành công dân của một nước tự do và độc lập. Cũng với Tuyên ngôn 2-9, nhiều dân tộc bị áp bức trên thế giới đã nhìn thấy con đường mà mình, dân tộc mình có thể lựa chọn trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc.

Tuyên ngôn Độc lập chẳng những đã khai sinh một nhà nước - nước Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa, nhà nước độc lập đầu tiên trong hệ thống thuộc địa thế giới, mà còn báo hiệu sự thành lập một chế độ xã hội mới - chính quyền công nông đầu tiên ở khu vực Đông Nam châu Á.

Ngày 2/9/1945 trở thành mốc son trong lịch sử đấu tranh giành độc lập của dân tộc. Đánh dấu sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước công - nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Từ đây, một kỷ nguyên mới đã mở ra cho dân tộc Việt Nam. Kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Từ đây với tư cách người chủ thực sự của đất nước, nhân dân Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đã kiên cường đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và chế độ phong kiến. Ba mươi năm sau ngày *“Tuyên ngôn Độc lập”*, năm 1975, Đảng ta, quân dân ta đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử vẻ vang: giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc thắng lợi sự nghiệp cách mạng dân tộc- dân chủ, tiến hành thống nhất nước nhà.

Tổ quốc ta được độc lập, nhân dân ta đời đời được tự do, tinh thần bất diệt của Tuyên ngôn Độc lập mãi mãi khắc sâu vào trái tim và khối óc của mỗi người dân Việt Nam. Với ý nghĩa và tầm vóc lớn lao đó, ngày 2 tháng 9 trở thành ngày hội lớn của dân tộc, ngày Quốc khánh của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Khát vọng hòa bình và tinh thần bất diệt ấy của Tuyên ngôn Độc lập là nguồn động viên lớn để khơi dậy lòng nhiệt huyết của thế hệ hôm nay quyết giữ vững nền độc lập tự do./.

P.H.H

❖ *Chuyên viên phòng Đào tạo*



## NGÀY HỘI TOÀN DÂN BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC

❖ *Ths Ngô Thị Hồng Loan*

**K**ế thừa tư tưởng của ông cha ta về vai trò, sức mạnh của nhân dân, Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc. Thực tiễn cách mạng Việt Nam trong những năm qua đã chứng minh đoàn kết toàn dân là nền tảng sức mạnh, là động lực to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc “*sự nghiệp cách mạng của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Chính nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử*”<sup>(1)</sup>; “*bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp của toàn dân*”<sup>(2)</sup>.

Để ghi nhận những đóng góp to lớn của nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc, ghi nhớ sự hy sinh cao cả của các anh hùng liệt sỹ, các đồng chí thương binh, bệnh binh và tôn vinh các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự; tiếp tục động viên đông đảo các tầng lớp nhân dân, đẩy mạnh phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc trong giai đoạn mới, ngày 13/6/2005 Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 521/QĐ-TTg về việc lấy ngày 19/8 hàng năm là “Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” để tuyên truyền cho cán bộ, nhân dân hiểu rõ vị trí, ý nghĩa, tầm quan trọng của “Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” và vai trò to lớn của cán bộ, nhân dân trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; phổ biến cho cán bộ, nhân dân về tình hình an ninh, trật tự ở các địa phương; phương thức hoạt động của các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, tình hình trật tự giao thông đô thị, tai nạn, cháy nổ... Qua đó để nâng cao ý thức trách nhiệm công dân, tinh thần cảnh giác, tích cực tham gia đấu tranh phòng chống các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, giữ gìn an ninh trật tự, xây dựng cơ quan, đơn vị và các khu dân cư được an toàn.

Đây là một ngày hội nhằm giáo dục truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, nâng cao ý thức trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; là dịp để động viên, khen thưởng và tôn vinh các tập thể, cá nhân điển hình có thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở địa phương, ở cơ sở.

Đồng thời cũng là ngày hội để biểu dương sức mạnh to lớn của quần chúng nhân dân đối với sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc; là dịp tổng kết, đánh giá phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”; kiểm điểm và nâng cao trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp trong việc chỉ đạo xây dựng thể trận an ninh nhân dân vững mạnh.

Công cuộc đổi mới của đất nước ta đã trải qua gần 30 năm và giành được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đang đứng trước tiền đồ hết sức vẻ vang. Tuy nhiên, bên cạnh những thời cơ, thuận lợi, đất nước ta cũng đang phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức; những nhân tố tác động đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội đang diễn biến rất phức tạp. Các thế lực thù địch sẽ tiếp tục gia tăng các hoạt động chống phá Việt Nam, triệt để khai thác những khó khăn, các vấn đề phức tạp về an ninh, trật tự để thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ nhằm xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng và chế độ Xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” có xu hướng ngày càng bộc lộ rõ nét và nghiêm trọng hơn. Nguy cơ xảy ra khủng bố, chiến tranh mạng, mất an ninh thông tin ngày càng gia tăng. Vi phạm pháp luật, tội phạm có xu hướng gia tăng và xuất hiện nhiều loại tội phạm mới, đặc biệt là tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm sử dụng công nghệ cao. Trật tự, an toàn xã hội đứng trước nhiều tác động theo chiều hướng phức tạp. Vì thế, hơn lúc nào hết, nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự đang đặt ra hết sức nặng nề, đòi hỏi phải tiếp tục phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của toàn dân để bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích quốc gia dân tộc, giữ vững ổn định chính trị, an ninh và an toàn xã hội để xây dựng và phát triển đất nước./. **N.T.H.L**

### ❖ *Khoa Nhà nước & Pháp luật*

(1) *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011).*

(2) *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.*

# CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 - NHỮNG GIÁ TRỊ THỰC TIỄN TRONG 70 NĂM XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC

❖ Nguyễn Thị Nhũ

**C**ách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công đã đưa nước ta từ một xứ thuộc địa nửa phong kiến trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa; nhân dân ta từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. 70 năm qua, kể từ ngày cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công đến nay thì cách mạng Việt Nam đã đi qua nhiều giai đoạn, nhiều bước ngoặt và vượt qua nhiều thử thách lớn, giành thắng lợi vĩ đại. Cách mạng Tháng Tám đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Đây là quá trình phát triển tất yếu của lịch sử dân tộc trải qua hàng nghìn năm phấn đấu, là đỉnh cao của ý chí quật cường, sức mạnh cố kết cộng đồng, tầm cao trí tuệ của dân tộc hòa quyện với những tư tưởng cách mạng và khoa học của C.Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin, Hồ Chí Minh, với xu thế của thời đại vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội, vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đã đưa cách mạng nước ta đã chuyển sang một giai đoạn mới - giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa. Thắng lợi vĩ đại ấy còn khẳng định rằng, trong điều kiện trào lưu của cách mạng vô sản, cuộc cách mạng do một đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo không chỉ có thể thành công ở một nước tư bản kém phát triển, nơi mất xích yếu nhất của chủ nghĩa đế quốc mà còn có thể thành công ở ngay một nước thuộc địa nửa phong kiến lạc hậu để đưa cả dân tộc đi lên theo con đường của chủ nghĩa xã hội.

Cách mạng Tháng Tám đã mở đầu sự đổi mới sâu sắc và toàn diện cho dân tộc ta, nhất là sự thay đổi về chính trị. Chế độ thuộc địa và chuyên chế phong kiến đã được thay thế bởi chính thể dân chủ cộng hòa - nhà nước dân chủ kiểu mới của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Cách mạng Tháng Tám khởi đầu cho sự giải phóng xã hội. Nhà nước cách mạng ngay từ khi thành lập đã quan tâm đến quyền tự do, dân chủ, tự do tôn giáo, tín ngưỡng,

quyền ứng cử, bầu cử, tham gia xây dựng chính quyền. Các Hiến pháp 1946, 1959, 1980, 1992, 2013 ra đời là sự tiếp nối tư tưởng, tinh thần của Cách mạng tháng Tám, bảo đảm một cách toàn vẹn quyền tự do dân chủ cho nhân dân.

Đảng và Nhà nước ta đã phát huy bài học của Cách mạng Tháng Tám trong việc huy động lực lượng quần chúng tham gia các phong trào cách mạng, phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động lớn trong toàn xã hội, quan tâm đến lợi ích chính đáng, trực tiếp của nhân dân, dựa vào dân, phát huy vai trò sáng tạo của nhân dân để lãnh đạo công cuộc tái thiết đất nước, khắc phục hậu quả chiến tranh, cải tạo nền kinh tế, xây dựng và hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất... Từ Cách mạng tháng Tám, các quan điểm chiến lược về con người, về giáo dục và đào tạo con người mới được hình thành và phát triển. Nhiều chủ trương, chính sách lớn về phát triển văn hoá, giáo dục được ban hành, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng, quyền lợi của nhân dân, góp phần nâng cao dân trí, phục vụ tốt cho công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước. Phát triển những tư tưởng chiến lược về ngoại giao từ Cách mạng tháng Tám, chúng ta đã giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, sự lãnh đạo của Đảng, chế độ xã hội chủ nghĩa, ổn định chính trị - xã hội và trật tự, an toàn xã hội, phát triển quan hệ đối ngoại mạnh mẽ.

Phát huy tinh thần Cách mạng tháng Tám, thành tựu 70 năm xây dựng và bảo vệ đất nước vào sự nghiệp đẩy mạnh CNH, HĐH, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN giai đoạn hiện nay: *Tích cực, chủ động nắm bắt thời cơ, đẩy lùi nguy cơ và thách thức trong thời kỳ đổi mới, hội nhập hiện nay*: Phát huy tinh thần giữ vững nguyên tắc, mềm dẻo, sáng tạo trong sách lược, chủ động nắm bắt thời cơ, hội nhập quốc tế hiện nay, Đảng, Nhà nước và toàn dân ta đang chung sức giải quyết những vấn đề vừa cơ bản, vừa cấp bách để đưa đất nước phát triển bền vững; *Kiên định mục tiêu độc*



**Kỷ niệm các ngày lễ lớn**

*lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; phấn đấu vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.* Trải qua thử thách thời gian và lịch sử, cuộc Cách mạng tháng Tám không chỉ khẳng định ý nghĩa thời sự nóng bỏng mà ngày càng khẳng định những giá trị lịch sử lâu bền; *Nắm vững các quan điểm phát triển trong sự nghiệp CNH, HĐH, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới đất nước:* Phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững. Đổi mới đồng bộ, phù hợp về kinh tế và chính trị vì mục tiêu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; *Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, không ngừng hoàn thiện hệ thống chính trị:* Nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng cần tập trung vào một số nhiệm vụ, giải pháp sau: Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tư tưởng, lý luận; Rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân; tiếp tục đổi mới, kiện toàn tổ chức, bộ máy của Đảng về hệ thống chính trị; Kiện toàn

tổ chức cơ sở Đảng và nâng cao chất lượng đảng viên; Đổi mới công tác cán bộ, coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ; Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát; tiếp tục đổi mới, phương thức lãnh đạo của Đảng.

Kỷ niệm 70 năm Cách mạng tháng Tám 1945 (19/8/1945 - 19/8/2015) và Quốc Khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2/9/1945 - 2/9/2015) trong bối cảnh toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đang thi đua lập thành tích sôi nổi chào mừng Đại hội Đảng bộ các cấp hướng tới Đại hội X Đảng bộ tỉnh và Đại hội lần thứ XII của Đảng, chúng ta càng hiểu rõ hơn giá trị lịch sử, thực tiễn sâu sắc mà cách mạng tháng Tám đã mang lại; nhận thức đầy đủ trách nhiệm của thế hệ sau trong việc vận dụng và phát triển những bài học kinh nghiệm quý giá, những tư tưởng mang tầm thời đại của Cách mạng tháng Tám vào công cuộc đổi mới và đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh./.

N.T.N

❖ *Khoa Xây dựng Đảng*

👉 *Tiếp theo trang 10*

**QUAN ĐIỂM SÁNG TẠO CỦA...**

với văn hóa. Có như vậy thì quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam mới có thể phát triển theo đúng quy luật xã hội khách quan và phù hợp với tiến trình phát triển chung của nhân loại.

Theo Hồ Chí Minh, sự ra đời của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam cũng là một sản phẩm tất yếu của quá trình phát triển lịch sử. Bởi vì, sau khi nước ta giành được độc lập theo con đường cách mạng vô sản thì đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội là một bước phát triển hợp quy luật. Chỉ có xây dựng một xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa thì nước nhà mới thật sự độc lập, nhân dân lao động mới thực sự được hưởng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh đã bao quát những vấn đề cốt lõi, cơ bản nhất về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Hồ Chí Minh đã có những cống hiến xuất sắc vào việc phát triển lý luận Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội, đồng thời Người đã làm phong

phú cách tiếp cận về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Từ tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, nhân dân ta đã gặt hái nhiều thành công trong công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa. Từ những bài học của cách mạng Việt Nam trong mấy chục năm qua, nhất là những kinh nghiệm thu được trong những năm đổi mới, chúng ta có cơ sở khoa học để tin tưởng rằng: Với chủ nghĩa yêu nước, truyền thống quý báu của dân tộc ta; với tinh thần chủ động sáng tạo, ý chí tự lực tự cường của nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng cách mạng kiên cường; với sự giúp đỡ và hợp tác của bạn bè quốc tế, nhân dân ta có đủ khả năng xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội./.

C.T.T.T

❖ *Khoa Xây dựng Đảng*

## MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ ĐẢNG VIÊN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

❖ *Ths Võ Thị Thu Hà*

**T**hực hiện Nghị quyết Đại hội IX Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng, nhiệm kỳ 2010-2015. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị đạt nhiều kết quả quan trọng; phương thức lãnh đạo của Đảng tiếp tục đổi mới, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên được nâng lên; công tác xây dựng tổ chức cơ sở Đảng được chú trọng. Thực hiện Kế hoạch số 12-KH/TU, của Tỉnh ủy Lâm Đồng ngày “*Về nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên nhiệm kỳ 2010-2015*”.

Khái quát tình hình tổ chức đảng và đảng viên đến 6/2015, Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng có 678 tổ chức cơ sở đảng (282 đảng bộ cơ sở, 396 chi bộ cơ sở, 3.318 chi bộ trực thuộc) có 37.763 đảng viên. Trong đó: 147 tổ chức cơ sở đảng loại hình xã, phường, thị trấn có 23.460 đảng viên (chiếm 62,12%); 158 tổ chức cơ sở đảng loại hình cơ quan có 4.749 đảng viên (12,57%); 191 tổ chức cơ sở đảng loại hình đơn vị sự nghiệp có 3.691 đảng viên (9,77%); 119 tổ chức cơ sở đảng loại hình doanh nghiệp có 2.733 đảng viên (7,26%); 63 tổ chức cơ sở đảng loại hình lực lượng vũ trang có 3.129 đảng viên (8,28%). 1.554/1.565 thôn, tổ dân phố, có tổ chức đảng, đạt tỷ lệ 99,2%, 11 thôn tổ dân phố đang sinh hoạt chi bộ ghép, tỷ lệ 0,8%<sup>(1)</sup>.

*Kết quả thực hiện kế hoạch: Về nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên nhiệm kỳ 2010-2015:*

Công tác tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng nghị quyết, kế hoạch được các cấp ủy đảng quan tâm. Trong nhiệm kỳ qua việc nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên đã đạt những kết quả tích cực. Về tiếp tục quán triệt và nhận thức tầm quan trọng của tổ chức cơ sở đảng là nền tảng của Đảng. Tổ chức cơ sở đảng vừa là nơi trực tiếp thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, đồng thời cũng là nơi góp phần phát triển hoàn thiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Là một thành viên trong hệ thống chính trị ở cơ sở, song tổ chức cơ sở đảng có vị trí, vai trò đoàn kết, lãnh đạo các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở.

Sức mạnh của Đảng là sự gắn bó, liên hệ mật thiết với nhân dân.

Về nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng: tập trung xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI), Kế hoạch 12-KH/TU; xây dựng và thực hiện quy chế hoạt động của cấp ủy, tổ chức đảng được chú trọng; thực hiện chủ trương sắp xếp, hoàn thiện mô hình tổ chức cơ sở đảng; thực hiện chủ trương thí điểm mô hình đồng chí bí thư đồng thời là chủ tịch UBND xã; hoạt động của tổ chức cơ sở đảng trong các loại hình doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được các cấp ủy đảng quan tâm chỉ đạo; chú trọng công tác xây dựng củng cố tổ chức cơ sở đảng trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng tôn giáo, vùng có đông đồng bào theo đạo; công tác quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức và đội ngũ cấp ủy ở cơ sở từng bước đi vào nề nếp, theo đúng quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc quy định, quy chế về công tác cán bộ; các cấp ủy đã quan tâm nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ theo Chỉ thị 10-CT/TW của Ban Bí thư và Hướng dẫn 09-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương gắn với thực hiện Chỉ thị 03-CT/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết Trung ương 4 Khóa XI, “Về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”; tiếp tục nhận thức và làm tốt công tác kiểm tra, giám sát; thực hiện tốt Pháp lệnh dân chủ, Quy chế dân chủ ở cơ sở; công tác đánh giá, phân loại tổ chức cơ sở đảng nghiêm túc.

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trí tuệ, phẩm chất đạo đức cách mạng, có ý thức tổ chức kỷ luật, thực sự tiên phong gương mẫu, đủ năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Thực hiện tốt tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 4 (Khóa XI) “Về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”

Kết quả đánh giá phân loại có chuyển biến, có nhiều tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch vững mạnh tăng từ 72,78% năm 2010, lên 74,3% năm 2013 và 52,65% năm 2014 (theo Hướng dẫn 27-HD/BTCTW). Giai đoạn 2010-2014, trung bình đạt 69,74%; 12,55% đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 77,27% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt chỉ tiêu kế hoạch. Kết nạp 10.447 đảng viên, vượt chỉ tiêu kế hoạch; 80% cán bộ chuyên trách công chức xã phường, thị trấn đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ, 44% được đào tạo từ Trung cấp lý luận chính trị, LLCT-HC trở lên, chỉ đạt 70% so với chỉ tiêu kế hoạch. Nhiều Đảng bộ cơ sở đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh, tiêu biểu nhiều năm liền như Phường 12, xã Tà Nung (Thành ủy Đà Lạt); xã Tân Hội (huyện ủy Đức Trọng); thị trấn Đa tễ (Huyện ủy Đa tễ)...<sup>(2)</sup>

Công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng, phát triển đảng viên được các cấp ủy đảng quan tâm; chú trọng việc xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng ở những lĩnh vực trọng yếu, vùng sâu, vùng xa, những loại hình mới; quy chế hoạt động, quy chế phối hợp của cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng được xây dựng, điều chỉnh, bổ sung kịp thời; chất lượng sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ được nâng lên; việc kiện toàn, sắp xếp các mô hình tổ chức đảng được thực hiện theo quy định. Công tác đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên hằng năm thực chất hơn; bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, tính tiên phong gương mẫu, ý thức tổ chức kỷ luật của cán bộ, đảng viên ngày càng được nâng lên.

Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức thực hiện vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: công tác giáo dục chính trị, tư tưởng của một số cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng còn có những hạn chế; việc đổi mới

nội dung và phương thức lãnh đạo còn chậm; chất lượng sinh hoạt một số chi bộ chưa cao; công tác đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng cán bộ ở một số nơi chưa phù hợp; nhận thức và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát còn hạn chế...

Tiếp tục thực hiện nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên trong những năm tiếp theo cần tập trung một số vấn đề sau: Các cấp ủy đảng tiếp tục tăng cường công tác xây dựng đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc trong công tác xây dựng đảng; thực hiện đúng, đủ chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đảng, xây dựng tổ chức đảng thực sự trong sạch, vững mạnh là hạt nhân chính trị ở cơ sở; tổ chức nghiêm túc tự phê và phê bình chất vấn trong các kỳ họp của cấp ủy. Tiếp tục đổi mới nội dung phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. các cấp ủy, tổ chức đảng phải thường xuyên giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức cho đảng viên. Tiếp tục nâng cao vai trò hạt nhân chính trị của tổ chức cơ sở đảng; duy trì nề nếp sinh hoạt và từng bước nâng cao chất lượng sinh hoạt, phân công nhiệm vụ cho đảng viên cụ thể rõ ràng, nêu cao tính tiên phong gương mẫu, thực hiện nghiêm túc tự phê và phê bình. Thực hiện tốt công tác cán bộ từ đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bố trí, sử dụng đến bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ... Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng, góp phần “*xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức*”./.

V.T.T.H

❖ **Phó Hiệu trưởng**

*Nguồn: (1), (2): Báo cáo số 338-BC/TU ngày 8/6/2015, Ban thường vụ Tỉnh ủy.*

☞ **Tiếp theo trang 13**      **"NÓI PHẢI ĐI ĐÔI VỚI LÀM", MỘT...**

với phong thái ung dung, tự tại, lúc làm việc cũng như khi tiếp khách, cách ứng xử tự nhiên, bình dị, chân tình, cởi mở, nhưng cũng rất chuẩn mực, tất cả tỏa ra một cái gì thật lịch thiệp và tế nhị... một thứ văn hóa, không phải văn hóa Âu châu, mà có lẽ là một nền văn hóa tương lai”.

Học tập và làm theo tấm gương Hồ Chí Minh: để nói đi đôi được với làm thì khi nói phải nghĩ

đến làm, có làm được mới nói, thậm chí lặng lẽ làm mà không nói. Đó là phong cách Hồ Chí Minh, đặc biệt trong lĩnh vực đạo đức và lối sống.

Thực hành tốt những lời dạy của Bác là chúng ta góp phần thực hiện mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”./.

P.C.L

❖ **Chuyên viên phòng Đào tạo**



## TÌM HIỂU VỀ DÂN CHỦ TRỰC TIẾP VÀ DÂN CHỦ ĐẠI DIỆN TRONG HIẾN PHÁP 2013

❖ Trương Công Liêm

**N**hà nước của ta là nhà nước của Dân, do Dân và vì Dân. Từ Hiến pháp năm 1946 đến nay đều thống nhất quan điểm đó. Hiến pháp năm 2013 một lần nữa khẳng định: *“Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân... do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức”*.

Hiến pháp không chỉ quy định Nhân dân là chủ thể của Nhà nước, tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về Nhân dân mà còn quy định phương cách Nhân dân thực hiện quyền lực Nhà nước của mình. Điều 6 Hiến pháp 2013 ghi: *“Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước”*.

Dân chủ trực tiếp là việc Nhân dân trực tiếp thực hiện quyền lực nhà nước. Tức là Nhân dân thể hiện một cách trực tiếp ý chí của mình (với tư cách là chủ thể quyền lực nhà nước) về một vấn đề nào đó mà không cần thông qua cá nhân hay tổ chức thay mặt mình và ý chí đó có ý nghĩa bắt buộc phải thi hành. Hình thức biểu hiện cụ thể của dân chủ trực tiếp như ứng cử, bầu cử Quốc hội, HĐND, thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, trưng cầu dân ý... Các cuộc đối thoại trực tiếp của nhân dân với cơ quan Nhà nước hiện nay cũng là hình thức biểu hiện của dân chủ trực tiếp.

Ưu điểm của hình thức dân chủ trực tiếp là Nhân dân trực tiếp quyết định, phản ánh đúng ý chí, nguyện vọng của mình nhưng hạn chế của hình thức này là những vấn đề mà Nhân dân trực tiếp quyết định không nhiều vì điều kiện không cho phép.

Dân chủ trực tiếp được mở rộng đến đâu còn phụ thuộc vào điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, trình độ dân trí, nhận thức chính trị, trình độ pháp lý của nhân dân... Ở nước ta do trải qua cuộc chiến tranh kéo dài và hiện nay đang trong quá trình xây dựng nền dân chủ trực tiếp trên thực tế mới thực hiện mức độ nhất định. Hiến pháp năm 1946, tại Điều 21 có quy định: *“Nhân dân có quyền phúc quyết về Hiến pháp và những việc*

*có quan hệ đến vận mệnh quốc gia...”* và Điều 32 quy định: *“Những việc có quan hệ đến vận mệnh quốc gia sẽ đưa ra nhân dân phúc quyết, nếu hai phần ba số nghị viên đồng ý...”*. Các Hiến pháp 1959, 1980, 1992 và 2013 đều có đề cập đến việc trưng cầu dân ý. Tuy nhiên đến nay chúng ta chưa tổ chức được cuộc trưng cầu dân ý nào.

Nhận thức được hạn chế nói trên nên điều 6 Hiến pháp năm 2013 đã sửa đổi so với điều 6 của Hiến pháp năm 1992, quy định rõ hơn các phương cách Nhân dân sử dụng quyền lực nhà nước, không chỉ bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân mà còn bằng các hình thức dân chủ trực tiếp. (Điều 6 Hiến pháp năm 1992 quy định: *Nhân dân sử dụng quyền lực nhà nước thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân là các cơ quan đại diện cho ý chí và nguyện vọng của Nhân dân, do Nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước Nhân dân*). Để hiện thực hóa quy định nói trên, và rút kinh nghiệm trước đây do thiếu cơ chế cụ thể nên quy định của Hiến pháp về Trưng cầu dân ý - Một nội dung của dân chủ trực tiếp - chưa được thực hiện. Lần này, sau khi có Hiến pháp năm 2013 Quốc hội khóa XIII đã đưa vào chương trình xây dựng pháp luật, đã giao cho các cơ quan chuẩn bị xây dựng dự án luật trưng cầu dân ý và dự kiến sẽ trình ra Quốc hội khóa XIII tại kỳ họp giữa năm 2015.

Dân chủ đại diện là hình thức Nhân dân thông qua các cơ quan nhà nước, các cá nhân được Nhân dân ủy quyền để thực hiện ý chí của Nhân dân. Dân chủ đại diện là phương thức chủ yếu để thực hiện quyền lực nhân dân. Dân chủ đại diện có ưu điểm là với hình thức này chúng ta quản lý được mọi mặt đời sống xã hội, nhưng có hạn chế là ý chí, nguyện vọng của người dân phải qua trung gian của người đại diện, có thể bị méo mó bởi nhiều lý do như trình độ nhận thức, quan điểm, lợi ích...

Khi nói đến tính đại diện người ta hay nghĩ đến các cơ quan dân cử, theo tôi điều đó đúng nhưng chưa đủ. Quyền lực nhà nước bao gồm quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Khi nói quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân thì chúng ta hiểu quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp là thuộc về nhân dân. Như nói ở trên, do điều kiện không cho phép nên số ☞ **Xem tiếp trang 23**

## VỀ CHẾ ĐỊNH QUYỀN CON NGƯỜI TRONG HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM NĂM 2013

❖ *Ths Vĩnh Các*

Cách đây 70 năm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mở đầu bản Tuyên ngôn độc lập của nước Việt Nam mới bằng trích dẫn Tuyên ngôn độc lập của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ năm 1776 do chính Tổng thống Thomas Jefferson soạn thảo: “*Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc*”.

Quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc Bác đưa vào phần mở đầu của Tuyên ngôn là nội dung mà Người muốn chuyển tải đến các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là các nước trong khối Đồng minh chống Phát xít rằng dân tộc Việt Nam đương nhiên có chung với nhân loại cái quyền không ai phủ nhận được đó là quyền con người.

Trong thuật ngữ pháp lý quyền con người (*human rights*) thuộc phạm trù pháp luật tự nhiên (*natural rights* hay *natural laws*) quyền con người không do bất kỳ một nhà nước, một chủ thể nào đặt ra mà đó là quyền tự nhiên của con người có được ngay từ thuở mới sinh ra, quyền ấy do “tạo hóa” ban cho con người và chỉ duy nhất là quyền không đi song hành với nghĩa vụ; quyền đó không do nhà nước đặt ra đương nhiên nhà nước không có quyền can thiệp vào quyền con người bao gồm: Quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc mà nhà nước còn phải có nghĩa vụ làm cho quyền ấy ngày càng được bảo đảm, bảo vệ bởi sức mạnh của nhà nước để quyền ấy trở thành hiện thực trong đời sống của xã hội. Thế nhưng thực tế trong suốt gần một thế kỷ chính quyền Thực dân Pháp đã tước đi cái quyền con người của dân tộc Việt Nam.

Quyền công dân (*Citizen's rights*) mới đích thực là quyền do nhà nước đặt ra, quyền công dân luôn song hành với nghĩa vụ công dân; quyền được bảo đảm bởi nghĩa vụ, nếu công dân không hoàn thành nghĩa vụ của mình thì nhà nước đương nhiên tước quyền công dân. Nhưng rồi, quyền công dân của một nước thuộc địa cũng bị chính quyền thực dân ngang nhiên tước đi, chỉ còn thuần là nghĩa vụ và nghĩa vụ với tính cách là bổn phận của người dân nô lệ đối với chính quốc của chính quyền thuộc địa chứ chưa phải là nghĩa vụ của

người công dân theo đúng nghĩa của thuật ngữ “công dân”.

Vì vậy, trong lời mở đầu của Tuyên ngôn Độc lập do mình soạn thảo và công bố tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, Bác đã mở ra một trang sử mới về mặt pháp lý đó là tuyên bố phục hồi quyền con người cho dân tộc và quyền tự chủ cho đất nước, các quyền mà bấy lâu nay thực dân Pháp đã ngang nhiên dùng vũ lực tước đoạt của dân tộc, của đất nước ta. Và sau đó thông qua hoạt động lập hiến của một nhà nước kiểu mới các chế định về quyền công dân của người Việt Nam được quy định ngay trong hiến pháp đầu tiên, Hiến pháp 1946.

Điểm lại các hiến pháp từ khi mới thành lập nước cho đến năm 2012, các hiến pháp đó đều có một chế định chung về quyền công dân (bao hàm trong đó có nghĩa vụ công dân), cụ thể như sau:

Hiến pháp 1946 (Chương II. Nghĩa vụ và quyền lợi nhân dân).

Hiến pháp 1959 (Chương III. Quyền lợi và nghĩa vụ cơ bản của công dân).

Hiến pháp 1980 (Chương V. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân).

Hiến pháp 1992 & Hiến pháp 1992 sửa đổi bổ sung năm 2001 (Chương V. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân).

Các bản hiến pháp ấy không tách ra một chế định riêng về quyền con người, mà xem quyền con người là quyền đương nhiên của mọi người trong chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa được bao hàm trong chế định về quyền công dân. Điều 50 Hiến pháp năm 1992 xác định “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa và xã hội được tôn trọng, thể hiện ở các quyền công dân và được quy định trong Hiến pháp và luật”. Như vậy, lần đầu tiên Hiến pháp năm 1992 đã thừa nhận cả hai khái niệm quyền con người, quyền công dân, nhưng chưa có sự phân định rạch ròi: Đây là quyền của con người nói chung và đây là quyền và nghĩa vụ của công dân. Nội hàm khái niệm quyền con người được thu nạp vào nội hàm của phạm trù quyền công dân.

Cùng với tiến trình đổi mới mà trọng tâm là xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; một trong những thành tựu của quá *Xem tiếp trang 25*

## MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

❖ Ngô Đình Như

**T**rong những năm qua Đảng, Nhà nước ta rất quan tâm đến công tác cải cách hành chính, nhất là các chương trình cải cách giai đoạn 2001-2010 và mới đây là chương trình tổng thể về cải cách hành chính giai đoạn 2011-2020 ban hành kèm theo Nghị quyết 30C của Chính phủ, trong những nội dung về cải cách hành chính thì công tác cải cách thủ tục hành chính được xác định là một trong những công tác trọng tâm, cần tập trung đẩy mạnh nhằm góp phần xây dựng nền hành chính quốc gia trong sạch, vững mạnh, văn minh, tiến bộ, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.

Thủ tục hành chính là cách thức, trình tự giải quyết một công việc cụ thể liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và được thực hiện một cách thống nhất trong phạm vi toàn quốc, toàn ngành hoặc từng địa phương... theo quy định của pháp luật. Thông qua việc thực hiện thủ tục hành chính mà các chính sách, pháp luật của nhà nước mới đi vào thực tiễn cuộc sống, quyền và nghĩa vụ công dân, tổ chức mới được thực hiện, cũng thông qua đó Nhà nước mới thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình duy trì được trật tự, nề nếp trong quản lý. Một khi thủ tục hành chính được xây dựng một cách khoa học, tiến bộ, phù hợp với yêu cầu phát triển xã hội và thực tiễn cuộc sống thì nó góp phần hết sức to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội, giao lưu mua bán hàng hóa, thu hút đầu tư... tạo những điều kiện thuận lợi cho công dân, tổ chức khi tham gia thực hiện thủ tục hành chính, tiết kiệm được thời gian, công sức, tiền của, không phải đi lại nhiều lần, đồng thời qua đó cũng góp phần hết sức quan trọng tránh được những tiêu cực, những nhiễu, cửa quyền trong bộ máy nhà nước.

Trong những năm qua, khi đánh giá về công tác cải cách hành chính, Chính phủ khẳng định đã đạt được những thành tựu to lớn trong xây dựng thể chế, hoàn thiện bộ máy nhà nước, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức, cơ chế tài chính công... nói chung và nói riêng là trong xây dựng và thực hiện cải cách thủ tục hành chính đã có những chuyển biến hết sức quan trọng, tạo ra được những cơ chế thông thoáng nhất là việc thực hiện thủ tục theo cơ chế một cửa và một cửa liên thông, nhiều nơi cũng đã thực hiện thủ tục qua các phương tiện thông tin điện tử, giao dịch qua đường bưu điện và người dân không phải trực tiếp đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục. Đây

một bước tiến bộ quan trọng trong cải cách thủ tục hành chính điều này đã tạo những điều kiện thuận lợi cho công dân, tổ chức đỡ mất thời gian chi phí đi lại nhiều lần, tránh được nhiều phiền hà so với trước đây. Tuy nhiên so với yêu cầu đổi mới, phát triển và quá trình hội nhập quốc tế thì nhìn chung thủ tục hành chính của chúng ta ở nhiều lĩnh vực, nhiều ngành, nhiều nơi... vẫn còn có những hạn chế, nhiều khe, rườm rà, qua nhiều cấp, nhiều khâu. Ví dụ như ở một số lĩnh vực Xuất Nhập khẩu, Đầu tư, Đất đai, Thuế, Bảo Hiểm...

Qua nghiên cứu thực tế một số phường, xã, thị trấn trên địa bàn huyện Đức Trọng cho thấy: Nhìn chung trong thời gian qua, hầu hết các địa phương đều thực hiện tốt những chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước về công tác cải cách thủ tục hành chính như vấn đề công khai các loại thủ tục, tuyên truyền, hướng dẫn... cán bộ, công chức nhiệt tình, năng nổ giải quyết các yêu cầu của công dân, tổ chức theo đúng các quy định của pháp luật ít có trường hợp nào trễ hạn, nhiều nơi đã áp dụng những phương tiện hiện đại vào trong giải quyết các thủ tục hành chính, giúp cho việc thực hiện được thuận lợi, hạn chế những sai sót, tiêu cực trong bộ máy nhà nước, người dân cũng đỡ mất công sức đi lại nhiều lần, qua đó đã được sự đồng tình ủng hộ tạo được niềm tin yêu trong quần chúng nhân dân. Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được như trên, ở cơ sở cũng còn những khó khăn vướng mắc như sau:

- Do cơ chế phối hợp chưa tốt giữa các bộ phận, các cơ quan chức năng khi thực hiện thủ tục hành chính, đôi khi còn mang nặng tính cục bộ ngành dẫn đến việc thực hiện phải mất nhiều công đoạn, nhiều thời gian.

+ Ví dụ: Khi thực hiện Thông tư 05 liên tịch giữa Bộ Y Tế, Bảo Hiểm và Bộ Công An, thì khi một đứa trẻ được sinh ra được thực hiện (3 trong 1) nghĩa là vừa làm giấy khai sinh, vừa làm bảo hiểm y tế vừa nhập khẩu một lần, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân (điều này đã áp dụng ở nhiều nơi như Quảng Nam, Đà Nẵng) nhưng thời gian qua chỉ thực hiện được (2 trong 1) là vừa làm khai sinh vừa làm bảo hiểm y tế, còn nhập khẩu thì phải qua một trình tự riêng.

+ Ví dụ: Trong các dạng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thế chấp vay vốn... theo quy định của Nghị Định 23 Chính phủ thì việc công chứng, chứng thực thì có thể thực hiện



ở cấp xã hoặc phòng công chứng tùy người dân lựa chọn, nhưng khi người dân thực hiện ở cấp xã thì ngân hàng không chấp nhận (trong khi đó cấp chính quyền địa phương cơ sở mới quản lý được đất đai, tài sản đó có tranh chấp hay không).

- Đôi khi có những thủ tục quy định chưa thật sự hợp lý, phải trải qua nhiều công đoạn và mất nhiều thời gian.

+ Theo Nghị Định 43 của Chính phủ, hướng dẫn 183 của Bộ Tài Nguyên, Quyết định 118 của Sở Tài nguyên quy định: Sau 01/6/2015 những thủ tục về chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế, mua bán liên quan đến biến động về đất đai sẽ do Chi nhánh văn phòng đất đai tiếp nhận và chuyển lên Sở Tài Nguyên để xem xét ra quyết định.

Thực hiện các thủ tục theo quy định trên thì người dân phải trải qua nhiều khâu, nhiều công đoạn, nhiều cơ quan, mất nhiều thời gian. Rất nhiều việc dồn về Chi nhánh nhất là Sở Tài Nguyên từ đó việc giải quyết cũng không được kịp thời so với quy định. Theo phản ánh thì hiện nay ở huyện Đức Trọng gởi lên Sở Tài Nguyên cả ngàn hồ sơ nhưng việc giải quyết đạt kết quả rất thấp.

- Một số biểu mẫu ban hành chưa hợp lý, ví dụ giấy khai sinh yêu cầu phải có chữ ký của cha và

mẹ, trường hợp này nếu một trong hai người ở xa thì cũng khó khăn khi thực hiện.

- Trong công tác hộ tịch tư pháp thực hiện theo đĩa mềm thông nhất nhưng trong đĩa các dữ liệu chưa cập nhật kịp thời những quy định mới nên việc thực hiện cũng gặp những khó khăn...

Theo chủ trương của Chính phủ trong cải cách thủ tục hành chính là phải bảo đảm tính nguyên tắc: Công khai, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện; tuy nhiên qua các ví dụ nêu trên cho ta thấy thủ tục hành chính ở một số ngành, lĩnh vực, một số nơi cũng còn có những hạn chế còn rườm rà, phải qua nhiều cửa, nhiều khâu, tính phối hợp, liên thông chưa được cao cũng còn có những phiền hà nhất định. Do vậy các cơ quan chức năng phải đẩy mạnh công tác rà soát, chấn chỉnh, sửa đổi hoặc đề nghị lên cấp có thẩm quyền sửa đổi hoàn thiện phù hợp, nhằm xây dựng một hệ thống thủ tục thật sự khoa học, đây cũng là một chủ trương lớn của Chính phủ trong chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2010-2020 nhằm xây dựng một nền hành chính văn minh, hiện đại, phục vụ tốt cho yêu cầu phát triển của đất nước và đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân./. **N.Đ.N**

❖ **Phó Trưởng Khoa Nhà nước & Pháp luật**

☞ **Tiếp theo trang 20**

## TÌM HIỂU VỀ DÂN CHỦ...

lượng vấn đề nhân dân quyết định trực tiếp không nhiều, bởi vậy nhân dân lập ra và trao quyền cho các cơ quan nhà nước để thay mặt nhân dân thực hiện quyền lực của mình; các cơ quan này phải chịu sự giám sát của nhân dân và chỉ được thực hiện quyền lực trong giới hạn cho phép. Như vậy, cơ quan được nhân dân ủy quyền không chỉ là cơ quan dân cử mà bao gồm cả cơ quan hành pháp và tư pháp, khi hoạt động các cơ quan này với tư cách là nhân dân, đại diện nhân dân để thực thi nhiệm vụ. Nhận thức điều này có ý nghĩa trong thực tế là các cơ quan nhà nước kể cả lập pháp, hành pháp và tư pháp phải thấy rằng quyền mà các cơ quan này có được là do nhân dân trao, phải chịu trách nhiệm trước nhân dân. Không chỉ có Quốc hội, HĐND các cấp lắng nghe ý kiến nhân dân khi ban hành luật, nghị quyết, mà các cơ quan hành pháp, tư pháp cũng phải thu thập, lắng nghe ý kiến nhân dân trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình.

Dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện là hai hình thức cơ bản để thực hiện quyền lực của nhân dân, đều có vai trò quan trọng trong nền dân chủ. Nền dân chủ phát triển thì dân chủ trực tiếp được

mở rộng, ngược lại đẩy mạnh thực hiện dân chủ trực tiếp thì sẽ thúc đẩy nền dân chủ phát triển. Để Nhân dân thực sự là chủ thể của Nhà nước thì phải thực hiện tốt cả dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Trưng cầu dân ý, một nội dung quan trọng của hình thức dân chủ trực tiếp phải được luật hóa, trong đó quy định những việc gì phải do nhân dân bàn và quyết định, quy định rõ trình tự, thủ tục, cách thức tiến hành... Các cơ quan được Nhân dân trao quyền phải thực hiện tròn trách nhiệm của mình. Các đại biểu Quốc hội, Hội đồng Nhân dân phải thường xuyên tiếp xúc với nhân dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân. Quốc hội và Hội đồng Nhân dân các cấp khi quyết định một vấn đề nào đó phải phù hợp với ý chí, nguyện vọng của nhân dân. Các cơ quan Hành chính và Tư pháp từ trung ương xuống địa phương, người có thẩm quyền trong các cơ quan đó phải tận tụy phục vụ nhân dân, tiến hành cải cách hành chính để tạo thuận lợi cho nhân dân, không được cửa quyền hách dịch với nhân dân./.

**T.C.L**

❖ **Trưởng Khoa Nhà nước & Pháp luật**

## CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG

❖ *Ths Lê Thị Thắm*

**T**hể hiện đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, Đảng, Nhà nước ta luôn quan tâm sâu sắc đến công tác đền ơn, đáp nghĩa, ghi nhớ, tôn vinh công ơn của các anh hùng liệt sĩ, thương binh, bệnh binh và người có công với cách mạng, những người đã chiến đấu, hy sinh tính mạng và một phần xương máu của mình vì độc lập, tự do và thống nhất của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân.

Chính sách của Đảng ta đối với người có công với cách mạng đã được thể hiện rất rõ trong các Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI. Cụ thể tại Văn kiện Đại hội VI của Đảng chỉ rõ: thực hiện tốt chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình cán bộ, chiến sĩ chiến đấu ngoài mặt trận, gia đình có công với cách mạng.

Đại hội VII của Đảng tiếp tục khẳng định quan tâm chăm sóc thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ và những người có công với cách mạng, coi đó vừa là trách nhiệm của Nhà nước, vừa là trách nhiệm của toàn dân; sớm ban hành chế độ toàn dân đóng góp vào quỹ đền ơn, trả nghĩa để chăm lo đời sống thương binh, gia đình liệt sĩ và những người có công với cách mạng.

Đại hội VIII chỉ rõ tổ chức tốt việc thi hành Pháp lệnh về người có công, bảo đảm cho những người có công với đất nước và cách mạng có đời sống vật chất và tinh thần ít nhất bằng mức sống trung bình của nhân dân nơi cư trú; bồi dưỡng và tạo điều kiện cho con em những người có công với cách mạng tiếp nối sự nghiệp của cha anh. Mở rộng phong trào đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ.

Đại hội IX của Đảng, khẳng định chăm lo tốt hơn đối với các gia đình chính sách và những người có công với cách mạng, bảo đảm tất cả các gia đình chính sách đều có cuộc sống bằng hoặc khá hơn mức sống trung bình so với người dân địa phương trên cơ sở kết hợp 3 nguồn lực: Nhà nước, cộng đồng và cá nhân các đối tượng chính sách tự vươn lên.

Đại hội X một lần nữa chỉ rõ chú trọng các chính sách ưu đãi xã hội. Vận động toàn dân tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn đối với các lão thành cách mạng, những người có công với nước, người hưởng chính sách

xã hội.

Đại hội XI của Đảng tiếp tục khẳng định phải huy động mọi nguồn lực xã hội, cùng với Nhà nước chăm lo tốt hơn nữa đời sống vật chất và tinh thần của những người và gia đình có công.

Thể chế hóa quan điểm của Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật quy định về ưu đãi người có công, xác nhận chính xác đối tượng người có công để họ được hưởng chế độ trợ cấp theo quy định như: Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2005 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về ưu đãi người có công với cách mạng; Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 9/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn lập thủ tục hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công; Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BLĐTBXH-BQP ngày 22/10/2013 của Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Quốc phòng hướng dẫn xác nhận liệt sĩ, thương binh trong chiến tranh không còn giấy tờ; Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ người có công về nhà ở; Thông tư 09/2013/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ người có công về nhà ở; Thông tư liên tịch số 41/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH hướng dẫn khám giám định bệnh, tật, dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học đối với người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ. Đặc biệt Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 20/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 quy định mức trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng. Theo đó, mức chuẩn để xác định các mức trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng theo quy định tại Nghị định này là 1.318.000 đồng.

Có thể khẳng định rằng, hệ thống chính sách của Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều bổ sung, sửa đổi cơ bản cho phù hợp, các chính sách ưu đãi đối

với người có công như chính sách đối với thanh niên xung phong, những người tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; chính sách ưu đãi về giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khỏe, cải thiện nhà ở, chế độ trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với một số đối tượng người có công với cách mạng được các cấp, các ngành quan tâm, giải quyết hiệu quả. Hầu hết người có công và thân nhân của họ đã được hưởng các chế độ ưu đãi của Nhà nước, đời sống ổn định và từng bước được cải thiện, góp phần ổn định chính trị, xã hội, củng cố lòng tin của nhân dân với Đảng và Nhà nước.

Tuy nhiên, do số lượng đối tượng nhiều, khả năng ngân sách hạn hẹp, nên mặc dù đã quy định nhiều chính sách ưu đãi đối với người có công nhưng cuộc sống của một bộ phận đối tượng người có công vẫn chưa được đảm bảo. Trong thời gian tới, nhằm khắc phục những hạn chế, thiếu sót còn tồn tại, đồng thời để thực hiện tốt chính sách của Đảng và Nhà nước đối với người có công với cách

mạng, cần thực hiện tốt các giải pháp như: tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản, chính sách, triển khai đồng bộ, thống nhất và kịp thời tất cả chính sách ưu đãi; tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm; Động viên, khuyến khích cả cộng đồng cùng chung tay tích cực tham gia chăm sóc, đền ơn, đáp nghĩa người có công với cách mạng bằng những việc làm cụ thể; Khuyến khích, động viên và tạo điều kiện hơn nữa để người có công với cách mạng tích cực tham gia các hoạt động xã hội và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh góp phần ổn định và nâng cao đời sống của gia đình.

Mỗi chúng ta từ những việc làm nhỏ bé, thiết thực hãy làm tốt hơn nữa công tác chăm sóc người có công với cách mạng, xác định rõ đó là trách nhiệm, là nghĩa vụ của mình, thể hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, “đền ơn đáp nghĩa” của dân tộc ta./

L.T.T

❖ **Phó Trưởng Khoa Nhà nước & Pháp luật**

☞ **Tiếp theo trang 21**

## **VỀ CHẾ ĐỊNH QUYỀN CON NGƯỜI...**

trình lập hiến của nước ta đó là chế định quyền con người được thể hiện trong Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013 tại Chương II với tên gọi của chương này là: **Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân**. Trong đó quyền con người được quy định tương đối chi tiết tại các điều khoản của chương này (Điều 14; 15;19;20;21).

Những chế định về quyền con người của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013 (Hiến pháp năm 2013) đã phù hợp với tinh thần cơ bản của Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền là tuyên ngôn về các quyền cơ bản của con người được Đại Hội đồng Liên Hiệp Quốc thông qua ngày 10 tháng 12 năm 1948 tại Palais de Chaillot ở Paris, Pháp. Đồng thời, những nội dung thuộc chế định quyền con người của Hiến pháp 2013 cũng phù hợp với tinh thần cơ bản của Tuyên bố Nhân quyền ASEAN (*ASEAN Human Rights Declaration*) là văn bản tuyên bố chung về nhân quyền của các nước ASEAN trong khuôn khổ Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 21 được tổ chức tại Phnom Penh, Campuchia vào ngày 18 tháng 11 năm 2012 với sự chấp thuận và ký kết của lãnh đạo 10 nước thành viên ASEAN. Đây là văn kiện chính trị đầu tiên của ASEAN nhằm tạo khuôn khổ chung cho tăng cường hợp tác ASEAN về thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền trong khu vực.

Tuyên bố Nhân quyền ASEAN gồm 40 điều

khoản, khẳng định mọi công dân ASEAN có 4 nhóm quyền căn bản về dân sự và chính trị, về kinh tế, xã hội và văn hóa, quyền phát triển, và quyền hưởng hòa bình. Các quyền này được xây dựng trên những nguyên tắc căn bản là bình đẳng, tôn trọng đặc thù khu vực và sự đa dạng của mỗi quốc gia. Tham dự Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 21 và sau khi ký kết Tuyên bố Nhân quyền Asean, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã phát biểu:

*“Việt Nam hoan nghênh việc ASEAN thông qua Tuyên bố Nhân quyền ASEAN bởi nó phù hợp với các mục tiêu và nguyên tắc đề ra trong Hiến chương ASEAN và đóng góp vào tiến trình xây dựng Cộng đồng ASEAN hướng tới người dân.”*

Tóm lại, quyền con người và quyền công dân được quy định trong Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 là hai phạm trù khác nhau, song có mối liên hệ rất chặt chẽ, tác động, bổ sung lẫn nhau. Quyền con người có thể được nhìn nhận thông qua một số chế định quyền công dân và ngược lại. Quyền con người và quyền công dân là những nội dung quan trọng của hiến pháp. Việc chế định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân bảo đảm được tính khoa học về kỹ thuật lập hiến; tạo thuận lợi cho việc hiểu và thực thi quyền con người và quyền công dân trên thực tế là yêu cầu khách quan./

V.C

❖ **Phó Trưởng Phòng Nghiên cứu KH-TT-TL**



## ĐẠO ĐỨC CÔNG VỤ CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC VÀ VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 12-NQ/TW: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẤP BÁCH VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG HIỆN NAY

❖ *Ths Cao Trọng Tuệ*

**X**ét về lý luận, đạo đức công vụ trước hết là một dạng của đạo đức, được dựa trên đạo đức nói chung. Đạo đức công vụ là hệ thống các chuẩn mực quy định nhận thức và hành động được xem là tốt hay xấu, là nên hay không nên làm trong hoạt động công vụ của người cán bộ, công chức nhằm xây dựng một nền công vụ trách nhiệm, chuyên nghiệp và trong sạch, tận tụy, công tâm. Đạo đức công vụ bao hàm đạo đức, lối sống, cách xử sự của cán bộ, công chức không chỉ trong các mối quan hệ xã hội thông thường mà còn trong phạm vi thực hiện nhiệm vụ công.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Hiến pháp đầu tiên năm 1946 đã ghi nhận ý tưởng sâu sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh về thiết lập một nền công vụ mạnh mẽ, sáng suốt của dân, hoạt động vì nhân dân và chịu sự kiểm soát, bãi miễn của nhân dân; một nền công vụ hiện đại, dân chủ, có hiệu lực từ Trung ương đến cơ sở. Tư tưởng đó tiếp tục được thể hiện nhất quán trong Hiến pháp 1959, trong những sắc lệnh và luật được Nhà nước ban hành.

Ngay từ khi ra đời, nền công vụ Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng đã được xây dựng theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh - một nền công vụ dân chủ, thân dân, trọng dân, quý dân. Nền công vụ ấy đã quản lý có hiệu quả mọi hoạt động trong vùng tự do thời chống Pháp, trên phạm vi miền Bắc sau năm 1954, ở vùng kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và những năm đầu khi cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Cho đến hôm nay, khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới, phát triển, hội nhập quốc tế thì những lời dạy của Hồ Chí Minh về một nền công vụ vì dân vẫn còn nguyên giá trị.

Để xây dựng được nền công vụ đó, đòi hỏi đội ngũ cán bộ, công chức cần có những chuẩn mực đạo đức công vụ. Đạo đức công vụ thể hiện trong các hành vi cụ thể qua công việc của mỗi cán bộ, công chức. Đạo đức công vụ được bao hàm trong đạo đức cách mạng. Đạo đức công vụ cần có những quy tắc, chuẩn mực, nguyên tắc đạo đức bắt buộc mỗi cán bộ, công chức phải tuân thủ. Đạo đức công vụ của cán bộ, công chức là yếu tố cốt lõi bảo đảm cho hoạt động và quản lý nhà nước

có hiệu quả. Trong nền kinh tế thị trường đòi hỏi có những cơ chế, quy định pháp luật tốt hơn, phù hợp hơn để duy trì và phát huy cao nhất các giá trị cơ bản của nền công vụ - một nền công vụ vì dân.

Phát huy tư tưởng đạo đức công vụ theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình hiện nay, ngày 16/01/2012, tại Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI), đã ban hành Nghị quyết số 12-NQ/TW “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” với mục tiêu: “phải tạo được sự chuyển biến rõ rệt, khắc phục được những hạn chế, yếu kém trong công tác xây dựng Đảng, nhằm xây dựng Đảng ta thật sự là đảng cách mạng chân chính, ngày càng trong sạch, vững mạnh, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, củng cố niềm tin trong Đảng và nhân dân, động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thực hiện thắng lợi các chủ trương, nghị quyết của Đảng” và nhận định vấn đề cấp bách, cần tập trung giải quyết hiện nay là: “kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, củng cố niềm tin của đảng viên và của nhân dân đối với Đảng”.

Để thực sự phát huy đạo đức công vụ theo tư tưởng Hồ Chí Minh và tinh thần Nghị quyết số 12 trong tình hình hiện nay, cần thực hiện tốt một số nội dung cơ bản sau đây:

*Thứ nhất*, cần nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức. Phải nhận thức về tính chất, ý nghĩa, tầm quan trọng của công việc mình làm, phải xác định cái gì lợi cho dân là chân lý, phục vụ nhân dân là chân lý, từ đó phải tận tâm, tận lực, quyết tâm làm tròn phần việc được giao. Nếu kết quả không tốt thì phải chịu trách nhiệm, đặc biệt là người đứng đầu. Tức là phải xác định rõ cơ chế trách nhiệm, mối quan hệ giữa tập thể và cá nhân. Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, Nghị quyết số 12-NQ/TW chỉ rõ: “Thực tế trong thời gian qua có một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng, rèn luyện, giảm sút ý chí chiến đấu, quên đi trách nhiệm, bốn phạm trù Đảng, trước nhân dân. Việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách

của Đảng, Nhà nước, các nghị quyết, chỉ thị, quy định về xây dựng, chỉnh đốn Đảng ở một số nơi chưa đến nơi đến chốn, kỷ cương, kỷ luật không nghiêm, nói không đi đôi với làm, hoặc làm chiếu lệ”. Từ đó, Nghị quyết chỉ rõ: “xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong mối quan hệ với tập thể cấp ủy, cơ quan, đơn vị; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng”.

*Thứ hai, phải nắm vững đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.* Nghĩa là người cán bộ, công chức phải nghiên cứu, hiểu thấu, thấm nhuần tất cả các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội để giải thích, tuyên truyền, vận động quần chúng thực hành. Bản thân cán bộ, công chức cũng phải thi đua thực hiện chính sách của Nhà nước và chịu trách nhiệm trước nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: *“Nếu trong những chính sách, những chỉ thị, những khẩu hiệu của cấp trên, có gì khuyết điểm, cán bộ phải có tinh thần phụ trách trước nhân dân mà đề nghị những chỗ nên sửa đổi. Không làm như vậy, tức là cán bộ không phụ trách trước nhân dân, mà cũng không phụ trách trước Đảng và Chính phủ”*<sup>[1]</sup>.

Gắn liền với việc phụ trách trước nhân dân là tinh thần dám chịu trách nhiệm trước nhân dân vì những việc sai lầm của mình. Nếu làm không tốt, không được nhân dân tin yêu thì tự giác xin từ chức, dám nhận hình thức kỷ luật. Bác Hồ dạy: *“Sửa chữa sai lầm, cố nhiên cần dùng cách giải thích, thuyết phục, cảm hóa, dạy bảo. Song không phải tuyệt nhiên không dùng xử phạt. Làm lỗi có việc to, việc nhỏ. Nếu luật không xử phạt thì sẽ mất cả kỷ luật, thì sẽ mở đường cho bọn cố ý phá hoại. Vì vậy, hoàn toàn không xử phạt là không đúng”*<sup>[2]</sup>. Phát huy tinh thần đó, Nghị quyết 12 đã xác định phải: “xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp Trung ương, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”.

*Thứ ba, phải thực hành tiết kiệm, chống tham ô, tham nhũng, lãng phí, quan liêu.* Tiết kiệm không đơn thuần chỉ là tiền bạc, vật chất, thời gian. Đối với công chức, một khía cạnh rất quan trọng là sắp xếp, bố trí, phân phối công việc, kể cả phân phối cán bộ. Bởi vì, nói đến tiết kiệm là nói đến năng suất, hiệu quả, là gắn liền với chống lãng phí. Trong công tác cán bộ mà không bố trí đúng người, đúng việc theo kiểu “thợ mộc làm thợ rèn, thợ rèn làm thợ mộc” khiến cho cả hai người đều lúng túng, không hoàn thành nhiệm vụ, thì đó là một biểu hiện lãng phí. Người tài không được sử

dụng đúng chỗ là lãng phí chất xám, đây là lãng phí lớn nhất xét dưới góc độ phát triển bền vững.

Cán bộ, công chức phải luôn luôn thực hành chữ liêm, chống tham ô, tham nhũng để làm kiểu mẫu cho dân. Cán bộ có chức, quyền, chức vụ càng cao, nếu thiếu lương tâm, càng có dịp đục khoét, có dịp nhận hối lộ. Bất liêm lớn nhất là tham nhũng quyền lực, địa vị, bán quyền, mua chức. Đó là tham nhũng gốc, dẫn đến tham danh, trục lợi.

Học tập tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, Nghị quyết Trung ương số 12 đã nhấn mạnh vai trò của các đồng chí lãnh đạo, quản lý ở Trung ương, các ngành, các cấp là cực kỳ quan trọng: Về các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương tiến hành kiểm điểm, đánh giá liên hệ bản thân về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao liên quan đến một số vấn đề cấp bách nêu trong Nghị quyết này, đề ra biện pháp khắc phục. Tập trung làm rõ trách nhiệm cá nhân, gương mẫu thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, tự phê bình và phê bình, nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức, lối sống. Về các đồng chí ủy viên ban cán sự Đảng, Đảng đoàn, Đảng ủy trực thuộc Trung ương, lãnh đạo các ban của Trung ương Đảng, Ban Thường vụ các Tỉnh ủy, Thành ủy và cấp ủy các cấp nghiêm túc kiểm điểm, tự phê bình và phê bình, nêu gương bằng hành động thực tế. Trong quá trình kiểm điểm cần liên hệ, gắn với xem xét việc thực hiện các quy chế, quy định; việc giải quyết những vấn đề về tổ chức, cán bộ; về giải quyết những vấn đề bức xúc của ngành, cơ quan hoặc địa phương.

Nâng cao ý thức trách nhiệm, hết lòng hết sức phụng vụ nhân dân, phụng sự tổ quốc; thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu là những nội dung quan trọng nhất của đạo đức công vụ. Đạo đức công vụ theo tư tưởng Hồ Chí Minh gắn liền với những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, thể hiện triết lý nhân sinh vì hạnh phúc của nhân dân và sự phồn vinh của đất nước và đó cũng là giải pháp trọng tâm mà Hội nghị Trung ương 4 đã chỉ rõ: kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, củng cố niềm tin của đảng viên và của nhân dân đối với Đảng./.

C.T.T

❖ *Phòng Đào tạo*

<sup>[1], [2]</sup> Hồ Chí Minh, toàn tập, tập 5, Nxb CTQG, H. 1995, tr. 294, 284.

## MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH LÂM ĐỒNG

❖ *Liễu Văn Bảo*

**Đ**ảng và Nhà nước ta đã xác định công tác cán bộ là khâu quan trọng nhất, có ý nghĩa quyết định tới chất lượng và hiệu quả công việc, là khâu then chốt trong sự nghiệp cách mạng, là một trong những yếu tố quan trọng góp phần vào những thành công trong sự nghiệp đổi mới đất nước, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Như lúc sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định “Cán bộ là những người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ, giải thích cho dân chúng hiểu và thi hành. Đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ, để đặt chính sách cho đúng”<sup>[1]</sup>. Do vậy nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số luôn có vị trí đặc biệt quan trọng trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng. Lâm Đồng là tỉnh có một vị trí chiến lược quan trọng với tổng dân số 1.259.255 người với 43 dân tộc cùng sinh sống. Trong đó, dân tộc thiểu số chiếm khoảng 22,8% dân số của tỉnh và các dân tộc thiểu số có trình độ phát triển kinh tế - xã hội không đồng đều, ngôn ngữ, phong tục tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo và sắc thái văn hóa cũng khác nhau và rất phong phú.

Nhận thức rõ vai trò của cán bộ người dân tộc thiểu số, cùng với việc thực hiện đồng bộ các khâu của công tác cán bộ. Tỉnh ủy, UBND tỉnh luôn chú trọng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số vừa đảm bảo tỷ lệ cân đối, hợp lý cán bộ dân tộc thiểu số trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các cấp, các ngành. Đồng thời tỉnh đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách khuyến khích, động viên cán bộ dân tộc thiểu số nâng cao trình độ. Trong đó có Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 20/10/2008 “*Về đào tạo, nâng cao và phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lâm Đồng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020*”. Qua đó công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo kế hoạch hàng năm, trong đó đặc biệt quan tâm đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số có năng lực, có tâm huyết, nhiệt tình để đưa đi đào tạo đủ chuẩn về trình độ

chuyên môn và trình độ lý luận chính trị đảm bảo đáp ứng yêu cầu mới. Đặc điểm nổi trội của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số luôn trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo. Số đông cán bộ có tinh thần trách nhiệm, tận tụy với công việc. Nhiều cán bộ, công chức, viên chức được rèn luyện thử thách trong đấu tranh cách mạng, trong thực tiễn lãnh đạo, quản lý ở địa phương, cơ quan, đơn vị. Đại bộ phận cán bộ dân tộc thiểu số có tư duy trực quan, bộc trực, thẳng thắn, thật thà, không a dua, xu nịnh. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị của cán bộ dân tộc ngày càng được nâng cao. Tính đến nay đã có 16 thạc sĩ, 387 đại học, 24 cao đẳng, 79 trung cấp chuyên nghiệp... bước đầu đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ hiện nay.

Như vậy đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số trong Tỉnh được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, về quản lý nhà nước, nhất là các đồng chí cán bộ chủ chốt từ xã, phường, thị trấn và cấp huyện, thành phố trở lên. Việc đào tạo, bố trí và sử dụng cán bộ dân tộc thiểu số thực hiện trên cơ sở quy hoạch, chú trọng bố trí cán bộ phù hợp với trình độ chuyên môn, chuyên ngành được đào tạo. Đồng thời đã quan tâm đến việc đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, lý luận chính trị cho cán bộ dân tộc thiểu số kế cận và cán bộ dự nguồn của các địa phương, đơn vị. Cùng với số lượng không ngừng tăng, trình độ có những thay đổi sâu sắc, năng lực lãnh đạo, quản lý của đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số, nhất là năng lực tư duy được nâng lên rõ rệt. Cán bộ dân tộc thiểu số đã vận dụng có hiệu quả những kiến thức được tích lũy qua học tập và hoạt động thực tiễn cùng với Cấp ủy, Ban Thường vụ giải quyết có kết quả những vấn đề nảy sinh trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, bên cạnh những tiến bộ, đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số còn bộc lộ những hạn chế, bất cập: trình độ học vấn, lý luận chính trị còn thấp so với mặt bằng chung của Tỉnh. Cơ cấu cán



bộ dân tộc thiểu số có sự hụt hẫng và mất cân đối. Nhiều nơi, tỷ lệ cán bộ dân tộc thiểu số còn quá ít so với tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn. Một số cán bộ thiếu khả năng sáng tạo, độc lập, quyết đoán trong giải quyết công việc, quen xử lý những vấn đề sự vụ, chưa có khả năng nghiên cứu, tổng hợp tình hình, tổng kết thực tiễn...

Trước yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số đáp ứng được tình hình mới cần thực hiện một số giải pháp sau:

*Thứ nhất*, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, các tổ chức và cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác dân tộc, trong đó tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức người dân tộc nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để phát triển bền vững, đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo và củng cố, gắn kết giữa cộng đồng các dân tộc, tạo sự hòa đồng, bình đẳng trên mọi lĩnh vực của đời sống.

*Thứ hai*, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, nhất là cơ sở. Thắt chặt mối quan hệ mật thiết các chi bộ với dân ở từng thôn, buôn. Xây dựng, củng cố TCCSĐ và đội ngũ đảng viên đủ mạnh, là hạt nhân chính trị tuyên truyền, thực hiện tốt các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về dân tộc nói chung và cán bộ dân tộc thiểu số nói riêng. Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số, rút ngắn khoảng cách giàu, nghèo trong cộng đồng các dân tộc trong Tỉnh.

*Thứ ba*, cần khảo sát đánh giá chính xác hiện trạng cán bộ người dân tộc thiểu số trên cơ sở đó tập trung làm tốt công tác quy hoạch tạo nguồn cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số. Từ

đó xác định nhu cầu đào tạo, xây dựng kế hoạch đào tạo cụ thể theo từng năm và cả nhiệm kỳ. Nội dung công tác đào, bồi dưỡng tập trung trang bị những kiến thức cơ bản về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị. Đồng thời coi trọng luân chuyển cán bộ dân tộc thiểu số, coi đây là yêu cầu cần thiết nhằm rèn luyện, nâng cao năng lực, phẩm chất chính trị và đạo đức lối sống của cán bộ. Tăng cường quản lý giáo dục, tạo điều kiện cho cán bộ dân tộc thiểu số trưởng thành về mọi mặt, khắc phục tư tưởng tự ty, ỷ lại. Gắn công tác quy hoạch, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng với bố trí, sử dụng. Cán bộ dân tộc thiểu số phải tự rèn luyện nâng cao trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

*Thứ tư*, quan tâm thực hiện chính sách cán bộ, đảm bảo môi trường và điều kiện làm việc thuận lợi để cán bộ, công chức yên tâm công tác, tận tâm với công việc. Tạo điều kiện về cơ chế, chính sách để đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ là người dân tộc thiểu số có điều kiện phát triển; đồng thời mỗi cán bộ trẻ, cán bộ nữ phải tự giác phấn đấu, khẳng định năng lực và uy tín của mình. Khen thưởng, động viên kịp thời và có biện pháp xử phạt nghiêm minh.

Việc thực hiện tốt và đồng bộ các giải pháp trên sẽ đảm bảo được sự chuyển tiếp vững vàng của đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số ở các cấp, các ngành trong tỉnh góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội, giữ vững an, ninh chính trị trên địa bàn tỉnh./.

**L.V.B**

**❖ Khoa Xây dựng Đảng**

[1] Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, H, 2002, t5, tr269.

**"Giang sơn và Chính phủ là giang sơn và Chính phủ chung của chúng ta. Vậy nên tất cả dân tộc chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ để giữ gìn nước non ta, để ủng hộ Chính phủ ta.**

**Chúng ta phải thương yêu nhau, phải kính trọng nhau, phải giúp đỡ nhau để mưu hạnh phúc chung của chúng ta và con cháu chúng ta. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng lòng đoàn kết của chúng ta không bao giờ giảm bớt. Chúng ta quyết góp chung lực lượng lại để giữ vững quyền tự do, độc lập của chúng ta."**

**Hồ Chí Minh**

## THỰC HIỆN TỐT CÔNG TÁC DÂN VẬN Ở CƠ SỞ NHẪM PHÁT HUY DÂN CHỦ VÀ ĐẢM BẢO QUYỀN LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN

❖ Lưu Thị Xuân

**Đ**ại hội Đảng XI khẳng định: “Đại đoàn kết toàn dân tộc phải dựa trên cơ sở giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích giữa các thành viên trong xã hội. Đoàn kết trong Đảng là hạt nhân, là cơ sở vững chắc để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Các cấp ủy Đảng và chính quyền phải thường xuyên đối thoại, lắng nghe, học hỏi, tiếp thu ý kiến, giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhân dân, tin dân, tôn trọng những ý kiến khác, làm tốt công tác dân vận, có cơ chế, pháp luật để nhân dân bày tỏ chính kiến, nguyện vọng và thực hiện quyền làm chủ của mình”

Với quan điểm đó, đại đoàn kết toàn dân không chỉ là điều kiện, để giữ vững ổn định chính trị - xã hội, mà điều hết sức quan trọng và có ý nghĩa lớn chính là khai thác, phát huy nguồn lực vật chất và tinh thần của dân tộc, tạo thành sức mạnh chung to lớn để vượt qua mọi khó khăn, thách thức hoàn thành các mục tiêu đề ra. Để phát huy sức mạnh của đại đoàn kết toàn dân cần phải đặc biệt chú trọng đến công tác dân vận. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “việc dân vận rất quan trọng. Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công”. Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, công tác dân vận, đặc biệt là vận động và tổ chức quần chúng ở cấp cơ sở lại càng có vai trò quan trọng, bởi cơ sở là nơi trực tiếp thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và là nơi trực tiếp phát huy dân chủ và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân nhằm giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội sao cho có hiệu quả. Đó cũng là nhiệm vụ có tính sống còn của cách mạng. Để phát huy vai trò của quần chúng ở cơ sở, đòi hỏi các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị nước ta phải tăng cường phối hợp hoạt động một cách đồng bộ cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức. Có như vậy, mới phát huy được quyền làm chủ thực sự của nhân dân, đảm bảo thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ mà Đảng ta đề ra.

Hiện nay công tác dân vận được Đảng ta xem là nhiệm vụ chiến lược của cả hệ thống chính trị,

Đảng ta đã tích cực đổi mới, tăng cường công tác lãnh đạo quần chúng để vươn lên ngang tầm với nhiệm vụ mới. Mặt trận, các đoàn thể đã kịp thời đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền vận động phát triển phong trào, chăm lo đời sống vật chất tinh thần của nhân dân và tập hợp xây dựng tổ chức quần chúng. Mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đang từng bước được đưa về cơ sở “dân biết, dân bàn, dân làm và dân kiểm tra”, do vậy sớm được triển khai đi vào cuộc sống, đem lại hiệu quả thiết thực, quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở được đề cao cả dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Qua đó đã phát huy được tinh thần chủ động, sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp quốc kế dân sinh, trong kết hợp với ý nguyện của nhân dân với đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Để thực hiện tốt công tác dân vận ở cơ sở, phát huy dân chủ, đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp đổi mới của đất nước thì cần chú ý các vấn đề như.

Một là, các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị ở nước ta không ngừng nâng cao nhận thức về công tác dân vận, thực tế trong những năm qua, việc nhận thức tầm quan trọng của công tác dân vận ở một số cán bộ của Đảng, chính quyền cấp cơ sở chưa sâu, có nơi chưa quan tâm đúng mức đến công tác vận động quần chúng, xem thường các đoàn thể trong việc tuyên truyền vận động đưa các chủ trương, chính sách, pháp luật đến với người dân một cách kịp thời, đầy đủ. Để khắc phục tình trạng trên, trước hết phải cải tiến và đổi mới phương thức lãnh đạo công tác dân vận của cấp ủy Đảng. Việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động đa dạng hóa và lồng ghép các chương trình hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân chăm lo công tác vận động quần chúng đi đôi với việc lãnh đạo phát triển kinh tế luôn là nhiệm vụ quan trọng của cấp chính quyền cơ sở. Việc nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác dân vận cho cán bộ, đảng viên, Mặt trận và các đoàn thể phải xuất

phát từ nhận thức là nhà nước của dân, do dân, vì dân, mọi quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

*Hai là*, thường xuyên đổi mới nội dung và phương thức vận động quần chúng ở cơ sở.

Mục tiêu tổng quát của nước ta là xây dựng một nước Việt Nam

“Dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng và văn minh”. Theo đó, đi đôi với phấn đấu tới giàu mạnh, phải xây dựng xã hội trong đó mọi giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, thành phần kinh tế, mọi vùng của đất nước, mọi thành viên trong đại gia đình dân tộc Việt Nam đều được sống trong công bằng, bình đẳng đều có quyền và nghĩa vụ đóng góp tích cực nhất cho sự phát triển của đất nước. Trong những năm qua, nhiều địa phương, cơ sở cả nước đã tổ chức thực hiện tốt nhiều phong trào, được đoàn viên, hội viên đồng tình hưởng ứng như phong trào chống các tệ nạn xã hội, phong trào xóa đói giảm nghèo... đã được các cấp chính quyền đoàn thể ở địa phương thực triển khai thực hiện một cách toàn diện.

*Ba là*, phải củng cố hệ thống chính trị cơ sở và chế độ chính sách thỏa đáng thích hợp đối với lực lượng cán bộ làm ở cấp cơ sở.

Đề củng cố và kiện toàn hệ thống chính trị ở cơ sở đúng hướng, cần thực hiện tốt các yêu cầu cơ bản: Chính quyền phải thực sự của dân và do dân bầu ra, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội do nhân dân lập ra một cách dân chủ thực sự, không cừ, không cơ cấu hình thức, áp đặt. Đối với tổ chức Đảng cơ sở phải được chú trọng xây dựng toàn diện có tầm lãnh đạo theo kịp yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, phải thể hiện rõ là một tổ chức chính trị gắn bó máu thịt với nhân dân, thực sự gương mẫu trong mọi hoạt động, không có đặc quyền, đặc lợi, toàn tâm, toàn ý phục vụ nhân dân. Và có chế độ chính sách thỏa đáng, công bằng đối với những người làm công tác ở cơ sở từ đó để cho họ ngày càng tâm huyết với công việc của mình hơn.

Cấp ủy Đảng là người nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng, nắm được quan điểm nội dung cơ bản của pháp luật. Nhà nước liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân để vận dụng sáng tạo vào chủ trương, chính sách của Đảng sát với đặc điểm tình hình cơ sở. Có kế hoạch, chương trình quán triệt và tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước một cách dân chủ, giúp nhân dân hiểu sâu sắc những vấn đề liên quan để nhân dân xem xét khả năng ở địa phương, cơ sở và gia đình có thể vận dụng. Đó là cái tốt nhất để khai thác tiềm năng ở địa phương trí tuệ, sức người, sức của ở mỗi người, mỗi nhà nước và các lợi thế về đất đai, vị trí địa lý cho quá trình đầu tư sản xuất, kinh doanh phát triển kinh tế - xã hội phục vụ lợi ích cho nhân dân.

Công tác của chính quyền là thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng thành cơ chế chính sách và tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách và tổ chức thực hiện, điều hành công việc bằng pháp luật, bằng quy chế cùng với ý thức trách nhiệm về nghĩa vụ quyền lợi của cán bộ đối với lợi ích của nhân dân và lợi ích của cộng đồng. Chính quyền cụ thể hóa nghị quyết, chỉ thị của Đảng thành chương trình, kế hoạch hoạt động và tổ chức thực hiện, kết hợp với việc động viên cổ vũ, thuyết phục nhân dân thực hiện và cùng với Mặt trận các đoàn thể vận động tổ chức nhân dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội ở cơ sở.

Thực hiện tốt những nội dung trên, là việc làm có ý nghĩa vô cùng to lớn. Nó tác động một cách tích cực, trực tiếp vào quá trình đổi mới của đất nước, cũng như góp phần từng bước đưa chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đi vào cuộc sống của nhân dân./

L.T.X

❖ *Khoa Nhà nước & Pháp luật*

***"Những người phụ trách dân vận cần phải óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm, chứ không phải nói suông, chỉ ngồi viết mệnh lệnh. Họ phải thật thà nhúng tay vào việc."***

**Hồ Chí Minh**



## KẾT QUẢ THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG, TỈNH LÂM ĐỒNG GIAI ĐOẠN 2011- 2015

❖ *Ths Võ Thị Bích Thúy*

**H**uyện Đơn Dương nằm ở phía Đông của tỉnh Lâm Đồng, cách thành phố Đà Lạt 30 km. Huyện có tổng diện tích tự nhiên 61.032 ha. Trong đó, diện tích đất sản xuất nông nghiệp 17.510 ha, diện tích gieo trồng 32.000 ha/năm; diện tích đất lâm nghiệp 38.967 ha. Toàn huyện có 10 đơn vị hành chính gồm 08 xã và 02 thị trấn; trong đó có 03 xã và 14 thôn đặc biệt khó khăn thuộc chương trình 135, 01 xã nghèo và 16 thôn nghèo theo Nghị quyết 30a. Dân số toàn huyện là 99.796 người, đồng bào dân tộc thiểu số là 30.220 người chiếm 30% dân số toàn huyện.

Thời gian qua nhận thức rõ tầm quan trọng của việc xây dựng nông thôn mới là giải pháp chủ yếu, quan trọng và có tính chiến lược để thực hiện thành công Nghị quyết 26-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về *“phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn”*; Do đó, Đại hội Đảng bộ huyện Đơn Dương lần thứ X nhiệm kỳ 2010-2015 đã xác định chương trình xây dựng nông thôn mới là một trong năm chương trình trọng tâm của huyện nhà. Trên cơ sở đó UBND huyện đã xây dựng Kế hoạch số 1107/KH-UBND ngày 26/9/2011 triển khai, thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020

Để thực hiện có hiệu quả mục tiêu đề ra ngay từ khi triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới, Huyện ủy, UBND huyện, Ban chỉ đạo huyện đã phát động phong trào thi đua rộng khắp giữa các xã trong huyện, giữa các ban ngành và toàn thể nhân dân trên toàn huyện tạo ra một khí thế mới, quyết tâm mới trong phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới nhằm phấn đấu đạt chuẩn vào năm 2015. Phong trào triển khai với nhiều hình thức phong phú, đa dạng như tổ chức lễ phát động, xây dựng các chuyên mục Đài phát thanh, truyền hình huyện, tổ chức các hội thi về tìm hiểu chương trình xây dựng nông thôn mới... như: *“Dân vận khéo trong xây dựng nông thôn mới”*; *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, gắn với xây dựng nông thôn mới”*; *“Lực lượng vũ trang chung sức xây dựng nông thôn mới”*; *“Nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”*; *“Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới”*; *phụ*

*nữ với phong trào “Gia đình 5 không 3 sạch”...*

Bằng nhiều hình thức tuyên truyền, vận động, chương trình trên địa bàn huyện đã có chuyển biến tích cực, nhận thức của cấp ủy, chính quyền cơ sở và người dân được nâng cao, người dân đã nhận rõ lợi ích và trách nhiệm trong thực hiện Chương trình, tự giác tham gia xây dựng và chỉnh trang nhà cửa, ngõ xóm, đóng góp bằng tiền, đất đai, ngày công để xây dựng đường giao thông nông thôn, thủy lợi nhỏ, chợ, nước sinh hoạt nông thôn, điện chiếu sáng công cộng, điện sản xuất và các công trình hạ tầng nông thôn khác; mạnh dạn đầu tư và vay vốn tín dụng để phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập và đời sống, qua đó phong trào xây dựng nông thôn mới đã phát triển rộng khắp toàn huyện

Trên cơ sở phong trào thi đua chung của cả huyện, các xã đều tiến hành tổ chức phát động thi đua và các thôn ký kết giao ước thi đua. Qua phong trào thi đua có 2 xã Thủ tướng chính phủ tặng bằng khen do có thành tích xuất sắc trong chương trình xây dựng nông thôn mới, trong đó xã Quảng Lập là 01 trong 27 xã toàn quốc được khen thưởng công trình phúc lợi trị giá 1 tỷ đồng. Có 57 tập thể, cá nhân được tỉnh, huyện tặng bằng khen, giấy khen và nhiều bằng khen, giấy khen khác về công tác dân vận khéo trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

Ban Chỉ đạo Chương trình nông thôn mới đã tổ chức các đoàn công tác của huyện đi nghiên cứu học tập một số mô hình xây dựng nông thôn mới tại các huyện, tỉnh xây dựng nông thôn mới để rút kinh nghiệm và vận dụng tại địa phương. Qua các đợt đi trao đổi kinh nghiệm, các lớp tập huấn, các thành viên tham gia đã được chia sẻ kinh nghiệm trong công tác triển khai thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới từ các địa phương, trao đổi, đúc kết thêm nhiều kinh nghiệm để thực hiện tốt chương trình tại đơn vị mình; nắm bắt kịp thời một số văn bản mới trong xây dựng nông thôn mới để vận dụng trong quá trình tổ chức thực hiện.

Qua 5 năm triển khai xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện được sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện Ủy, UBND huyện cùng cả hệ thống chính trị và đông đảo nhân dân đã chung vai, góp sức thực hiện Chương trình và đã đạt được nhiều kết

quả quan trọng, tạo nên nhiều chuyển biến mới trong nông nghiệp, bộ mặt nông thôn được đổi mới, đời sống nông dân được nâng lên; Nông nghiệp giữ được mức tăng trưởng ổn định, phát triển tương đối toàn diện; năng suất, chất lượng nhiều loại cây trồng vật nuôi được nâng lên; sản xuất tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo đạt được nhiều tiên bộ; đã xuất hiện nhiều mô hình liên kết sản xuất hiệu quả dựa trên ứng dụng khoa học, công nghệ. Cơ sở hạ tầng phát triển đáp ứng được nhu cầu sản xuất và dân sinh; Đời sống văn hóa của nhân dân ngày một nâng cao và hưởng thụ nhiều hơn về nét đẹp văn hóa làng quê với môi trường xanh, sạch; Quy chế dân chủ cơ sở ngày một mở rộng. Chương trình xây dựng nông thôn mới đã trở thành phong trào trên toàn huyện và được sự đồng thuận, hưởng ứng tích cực của người dân, vai trò chủ thể của nhân dân được phát huy với phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng thụ*”.

Bằng sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị từ huyện tới cơ sở và của toàn dân, đến nay huyện Đơn Dương đã đạt được nhiều kết quả tích cực, toàn huyện đã hoàn thành cơ bản các nội dung theo như các đề án đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Ngày 1/9/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 1507/QĐ-TTg “Công nhận huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng đạt chuẩn nông thôn mới năm 2015”. Đây là huyện đầu tiên của tỉnh Lâm Đồng đạt chuẩn nông thôn mới (NTM) cấp huyện cụ thể.

\* *Số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định* là 7/8 xã, đạt 87,5%: Lạc Xuân, Lạc Lâm, Đa Ròn, Ka Đô, Quảng Lập, Ka Đơn, Tu Tra, 2 thị trấn phát triển theo hướng văn minh đô thị.

\* *Số xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới* là 1/8 xã, chiếm 12,5% là xã Pró đạt 17/19 tiêu chí, còn lại 02 tiêu chí là giao thông và nhà ở dân cư đã đạt tỷ lệ trên 75% so với quy định.

Đạt được những kết quả nêu trên trước hết do công tác lãnh đạo, chỉ đạo, sự tham gia phối hợp chặt chẽ của Huyện ủy, UBND, Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới; các phòng, ban đảng, từ huyện đến xã Mặt trận và các đoàn thể chính trị xã hội; có phân công và làm rõ trách nhiệm của từng đơn vị và cá nhân tham gia nên vận hành được xuyên suốt, giải quyết hiệu quả những vấn đề cấp bách, nảy sinh trong quá trình thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

Ủy ban nhân dân huyện, các phòng ban đã kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn, triển khai, cụ thể hóa các chính sách của Trung ương và tỉnh;

phân công các thành viên theo dõi cùng xã thực hiện đề án, phân bổ vốn kịp thời có trọng điểm ngay sau khi đề án được phê duyệt.

Công tác luân chuyển cán bộ và bố trí cán bộ trẻ có đủ năng lực và trình độ đã đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong xây dựng nông thôn mới, phát huy được tính sáng tạo và thực hiện tốt kế hoạch, đề ra những giải pháp, công tác kiểm tra giám sát, đánh giá hiệu quả các công trình đầu tư trên địa bàn.

Tại cơ sở, cán bộ, đảng viên sinh hoạt nơi cư trú thể hiện rõ vai trò gương mẫu, nòng cốt trong công tác vận động quần chúng, cùng tham gia đóng góp, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, hỗ trợ nguồn lực trong xây dựng nông thôn mới và trong phát triển sản xuất. Từ vai trò tiên phong của đảng viên đã góp phần tích cực trong các phong trào thi đua, làm gương để nhân dân tích cực tham gia bàn bạc, thực hiện những nội dung xây dựng nông thôn mới.

Phát huy những kết quả bước đầu đạt được, Huyện ủy, UBND huyện đã xây dựng phương hướng mục tiêu thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 đó là:

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới trên cơ sở duy trì và nâng cao chất lượng và các kết quả, nhiệm vụ đã đạt được theo hướng đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo tinh thần Nghị quyết số 26/NQ-TW của Ban chấp hành Trung ương khóa X. Thường xuyên rà soát, kiện toàn Ban chỉ đạo, tổ công tác cho phù hợp tình hình, gắn với đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền trong giai đoạn mới. Nâng cao nhận thức trong Đảng bộ và nhân dân hiểu rõ đây là quá trình lâu dài, liên tục; xem đây là một tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

- Phấn đấu đến năm 2020 tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt kể cả ở các xã và trên toàn huyện; thu nhập bình quân đạt 71 triệu đồng/người/năm. Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 0,5% (trong đó vùng đồng bào dân tộc còn dưới 1,5%), nâng cao chất lượng cuộc sống đặc biệt về thu nhập năm sau tăng trên 17% so với năm trước; Xã Pró đạt chuẩn xã nông thôn mới vào năm 2017; Tăng cường công tác phát triển sản xuất trên mọi lĩnh vực để nâng cao thu nhập của người dân. Tiếp tục nâng cao đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của người dân nông thôn.

V.T.B.T

❖ *Trưởng Khoa Lý luận Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh*

## LẠC DƯƠNG LÀM TỐT CÔNG TÁC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ

❖ *Ths Lê Thị Thanh Phụng*

**L**ạc Dương là huyện miền núi nằm ở phía Đông Bắc của tỉnh Lâm Đồng. Phía Bắc giáp tỉnh Đắk Lắk, phía Nam giáp thành phố Đà Lạt, phía Đông giáp tỉnh Ninh Thuận và Khánh Hòa, phía Tây giáp huyện Lâm Hà và Đam Rông. Tổng diện tích tự nhiên là 131.233 ha, trong đó đất lâm nghiệp là 115.002 ha, đất sản xuất nông nghiệp là 6.823 ha, còn lại là đất khác. Toàn huyện có 06 đơn vị hành chính gồm 05 xã và 01 thị trấn, trong đó có 03 xã thuộc khu vực III (Đạ Chais, Đưng K'Nó, xã Lát, thuộc diện xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi). Trên địa bàn Lạc Dương có 21 dân tộc anh em cùng sinh sống (Kinh, K'ho, Cill, Châu Mạ, Mơ Nông, Chu Ru, Chăm, Hoa, Tày, Nùng, Mường, Thái...) với 18.090 người, chiếm 73,9% dân số toàn huyện.

Là huyện nghèo của tỉnh, nên trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, sự chỉ đạo sát sao của UBND tỉnh Lâm Đồng, việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước trên địa bàn huyện Lạc Dương luôn được quan tâm đầu tư, hỗ trợ. Từ năm 2011 đến nay, Lạc Dương đã được đầu tư hơn 40 tỷ đồng để thực hiện nhiều chương trình, dự án, đề án như: chương trình 134, 135, chương trình chuyển đổi giống cây trồng vật nuôi, chương trình thủy lợi nhỏ, chương trình kiên cố hóa kênh mương, chương trình điện khí hóa nông thôn, chương trình xây dựng điều chỉnh quy hoạch bố trí dân cư, chương trình giảm nghèo nhanh bền vững; dự án 167, dự án điều chỉnh quy hoạch bố trí dân cư; đề án giao khoán bảo vệ rừng, đề án khuyến nông, khuyến lâm... đã có tác động tích cực đến phát triển sản xuất, kết cấu hạ tầng và đời sống, làm cho nhận thức, tư tưởng của nhân dân các dân tộc ở vùng sâu, vùng xa thay đổi dần tập quán sản xuất cũ lạc hậu, chuyển dần theo hướng sản xuất hàng hóa.

Có thể nói, dưới sự lãnh chỉ đạo Tỉnh uỷ, UBND tỉnh Lâm Đồng, Huyện uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Lạc Dương đã thực hiện tốt các chính sách phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Vì thế kinh tế - xã hội ngày càng phát triển, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng đồng bào dân tộc được ổn định, bộ mặt nông thôn miền núi vùng

đồng bào dân tộc thiểu số từng bước thêm khởi sắc: Thực hiện chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết 30a của Chính Phủ và các chương trình lồng ghép khác, từ 2011 đến nay, Nhà nước đã đầu tư 13 tỷ 653 triệu đồng để hỗ trợ cho 1.889 lượt người nghèo, cận nghèo đồng bào dân tộc phát triển sản xuất, chăn nuôi. Cùng với sự đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước, đồng bào dân tộc thiểu số trong huyện đã nêu cao ý chí tự lực, tự cường thi đua lao động sản xuất, tiếp thu ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chăn nuôi để phát triển kinh tế. Do đó, thu nhập bình quân đầu người được tăng lên, phong trào giảm nghèo bền vững trong vùng đồng bào dân tộc đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm từ 3 đến 4%/năm (theo báo cáo của phòng dân tộc huyện Lạc Dương, năm 2011 là 891 hộ chiếm 29,18%. Đến 06 tháng đầu năm 2015 còn 272 hộ chiếm 6,75%. Như vậy, so với năm 2011 tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm là 23,92%); Đường giao thông nông thôn đã được cứng hóa, sạch đẹp, 100% xã có đường nhựa đến trung tâm huyện; 100% xã có bưu điện, trụ sở Ủy ban nhân dân các xã được đầu tư xây dựng khang trang, 100% xã có điện lưới quốc gia, trên 90% tỷ lệ hộ được sử dụng điện, trên 80% tỷ lệ hộ được dùng nước sạch hợp vệ sinh, các công trình nhà ở, nhà sinh hoạt cộng đồng, công trình nước sạch... tại các thôn tổ dân phố đã được nâng cấp và xây dựng mới, cơ sở hạ tầng nông thôn đáp ứng được nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân; Hệ thống thông tin liên lạc đã đến tận thôn, 100% các xã, thị trấn đều có trạm thu phát truyền thanh không dây, phục vụ tốt cho công tác tuyên truyền chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, những quy định của địa phương đến đồng bào dân tộc thiểu số, trên 95% tỷ lệ hộ dân được nghe, xem đài phát thanh, truyền hình Việt Nam; Công tác giáo dục đào tạo đạt nhiều thành quả quan trọng, hệ thống trường mẫu giáo, trung học cơ sở, trung học phổ thông được xây dựng theo quy chuẩn quốc gia, từ năm 2011 đến nay, thực hiện trợ cấp xã hội cho học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện là 2.467,798 triệu đồng cho 1.624 lượt em, qua đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào



## Thông tin

tạo cho con em đồng bào dân tộc thiểu số, số con em đồng bào dân tộc được đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học ngày càng tăng; Công tác chăm sóc sức khỏe cho đồng bào được chú trọng, 100% đồng bào dân tộc ở vùng khó khăn được cấp bảo hiểm y tế (81.005 lượt người với tổng kinh phí trên 28 tỷ đồng) và thực hiện khám chữa bệnh miễn phí; Bản sắc văn hóa các dân tộc được tôn trọng, giữ gìn, phát huy; trình độ dân trí và chất lượng hệ thống chính trị cơ sở được nâng cao, tỷ lệ cán bộ dân tộc thiểu số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xã hội từ huyện đến địa phương cơ sở ngày càng tăng, hàng năm các tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc đều đạt trong sạch, vững mạnh, không có tổ chức yếu kém; Hệ thống chính quyền ở cơ sở luôn hoạt động hiệu quả, đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu của nhân dân, quyền bình đẳng giữa các dân tộc ngày càng được xác định và được thể hiện rõ nét trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; An ninh, chính trị luôn được giữ vững, khối đại đoàn kết giữa các dân tộc tiếp tục được củng cố và phát huy, đồng bào luôn bày tỏ niềm tin và quyết tâm xây dựng quê hương, buôn làng ngày càng bình yên và hạnh phúc.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện chính sách dân tộc ở Lạc Dương cũng còn một số hạn chế như: Sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế còn chậm; đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số nhất là ở vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo ở vùng dân tộc thiểu số còn cao so với mặt bằng chung của toàn huyện, kết quả giảm nghèo tuy có giảm nhanh nhưng chưa thật vững chắc, hàng năm hộ tái nghèo và hộ cận nghèo cao; Một số nơi triển khai chính sách dân tộc chưa thật sự có hiệu quả, chưa thực hiện tốt việc lồng ghép, phối kết hợp thực hiện các chính sách chương trình, dự án trên địa bàn; Nguồn vốn thuộc chính sách vay vốn phát triển sản xuất hàng năm phân bổ ít, suất cho vay thấp (8 triệu/hộ/năm), phân bổ chậm, chưa đáp ứng được nhu cầu vay vốn của các hộ nghèo đặc biệt khó khăn. Việc tiếp nhận các dịch vụ văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, trợ giúp pháp lý của một số hộ nghèo, cận nghèo còn hạn chế; Trình độ của cán bộ cơ sở nhìn chung còn thấp cả về chuyên môn và nghiệp vụ, đội ngũ cán bộ dân tộc còn thiếu và yếu; trình độ dân trí chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn; Tình hình quốc phòng, an ninh, trật tự xã hội ở một số địa bàn còn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định; Một bộ phận đồng bào

dân tộc chưa nhận thức đầy đủ chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước nhất là về đất đai, tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng, khiếu kiện về đất đai vẫn còn; Một số cán bộ và đồng bào còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự đầu tư của Nhà nước, của cộng đồng, chưa chịu khó lao động, sản xuất, chi tiêu chưa thật tiết kiệm để vươn lên thoát nghèo, bằng lòng với cuộc sống hiện tại, chưa chủ động sáng tạo, phát huy nội lực để vươn lên

Để làm tốt công tác phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong thời gian tới, thiết nghĩ huyện Lạc Dương cần phải tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước đến cán bộ, đảng viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân, xác định công tác đầu tư phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh vùng dân tộc thiểu số là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, của các cấp chính quyền và toàn hệ thống chính trị. Rà soát, đánh giá lại các chương trình, chính sách đang triển khai thực hiện trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, từ đó đổi mới phương thức nội dung triển khai thực hiện theo hướng phát huy dân chủ ở cơ sở, phát huy quyền làm chủ, giám sát và sự tham gia của người dân trong thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn. Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực có trình độ là người dân tộc thiểu số, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho đồng bào vùng dân tộc, đảm bảo đồng bào vùng sâu, vùng xa được tiếp cận các dịch vụ y tế. Đặc biệt, cần phải tiếp tục vận động đồng bào dân tộc tích cực tham gia phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư, tích cực hưởng ứng các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước, sáng tạo trong lao động sản xuất, chủ động vươn lên thoát nghèo, xây dựng và nhân rộng các điển hình tiên tiến tấm gương người tốt, việc tốt, các mô hình sản xuất kinh doanh giỏi. Thường xuyên thanh tra, kiểm tra, sơ kết, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện chủ trương và chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác dân tộc; động viên khuyến khích già làng, trưởng bản, người có uy tín trong đồng bào dân tộc và mọi người tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách, chương trình, dự án theo phương châm dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân hưởng thụ. Có như vậy, vùng đồng bào dân tộc thiểu số mới phát triển nhanh và bền vững, góp phần cùng Lạc Dương phấn đấu xây dựng đạt huyện nông thôn mới vào năm 2020./.

L.T.T.P

❖ *Phó Trưởng Khoa Lý luận Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh*

## ĐẢNG BỘ XÃ ĐẠ RSAL HUYỆN ĐAM RÔNG VỚI CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN ĐẢNG VIÊN

❖ *Ths Kiều Hoài Sơn*

**X**ã Đạ Rsal nằm ở phía Bắc huyện Đam Rông, cách trung tâm huyện 25 km dọc theo trục đường quốc lộ 27, giáp ranh với tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông. Diện tích tự nhiên toàn xã là 8078,82 ha với 2050 hộ, 8100 nhân khẩu gồm 14 dân tộc như: Kinh, K'ho, Mạ, Tày, M'Nông... Đảng bộ được thành lập năm 2004 tách ra từ xã Rô Men, đến năm 2015 toàn Đảng bộ có 13 chi bộ, trong đó có 6 chi bộ nông thôn, 5 chi bộ trường học, 1 chi bộ Quân sự xã, 1 chi bộ Y tế với 144 đảng viên. Nằm ở vị trí cửa ngõ với tỉnh Đắk Lắk, xã Đạ Rsal có vị trí địa lý rất thuận lợi với khí hậu ôn hoà, thích hợp với nhiều loại cây trồng có giá trị và hiệu quả kinh tế cao, tạo nguồn nguyên liệu ổn định cho sản xuất công nghiệp có lợi thế cạnh tranh với các vùng khác, là địa phương có tiềm năng phát triển kinh tế của Huyện Đam Rông.

Đảng bộ xã Đạ Rsal luôn xác định kết nạp đảng viên là một nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, có tính quy luật trong công tác xây dựng Đảng cũng như trong quá trình phát triển, hoạt động lãnh đạo của Đảng, nhằm tăng thêm sức chiến đấu và bảo đảm sự kế thừa, phát triển của Đảng bộ. Để công tác phát triển đảng viên đi vào nề nếp, có chất lượng hằng năm Đảng ủy đều xây dựng kế hoạch phát triển đảng viên, giao chỉ tiêu cụ thể cho các chi bộ và đưa các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện. Mục tiêu cụ thể phấn đấu hàng năm mỗi chi bộ kết nạp mới 1-2 đảng viên toàn Đảng bộ kết nạp 10-12 đảng viên.

Đầu nhiệm kỳ 2010-2015 Đảng bộ có 87 đảng viên, sinh hoạt tại 12 chi bộ, đến nay tổng số đảng viên toàn Đảng bộ là 144 đồng chí (đạt 100% so với mục tiêu Đại hội đề ra), trong đó đảng viên người dân tộc thiểu số là 23 chiếm 15.9%, đảng viên nữ là 51 chiếm 35.4%, đảng viên theo đạo là 17 chiếm 11.8%. Hằng năm đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt trên 80%, trong đó có trên 14% đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; trong nhiệm kỳ đã củng cố kiện toàn 06 chi bộ và thành lập mới 01 chi bộ, tổng số chi bộ trực thuộc hiện nay lên 13 chi bộ, hiện nay không còn thôn trắng đảng viên, không còn tình trạng chi bộ sinh hoạt ghép, Đảng bộ 05 năm đạt trong sạch vững mạnh. Đi đôi với công tác phát triển đảng viên công tác cán bộ, đã tập trung lãnh đạo, lựa chọn cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và lý

luận chính trị, thực hiện từng bước trẻ và chuẩn hóa, đảm bảo tính kế thừa trong đội ngũ cán bộ ở địa phương.

Công tác phát triển đảng viên trong đảng bộ đã được quan tâm chỉ đạo bước đầu đạt được hiệu quả cả về nâng số lượng và chất lượng tuy nhiên trong công tác phát triển đảng viên vẫn còn hạn chế yếu kém như số lượng đảng viên là người đồng bào dân tộc tại chỗ vẫn còn ít, nhất là đảng viên người dân tộc thiểu số tại các thôn. Đảng viên là cán bộ trưởng phó thôn, trưởng các chi hội đoàn thể ở các thôn chưa đạt số lượng đề ra, đảng viên tham gia sinh hoạt ở các hội đoàn thể ở các thôn vẫn chưa cao. Một số đảng viên chưa thật sự gương mẫu, được quần chúng tin yêu. Một số đảng viên trẻ vẫn chưa phát huy hết vai trò xung kích, chưa hăng hái đi đầu, ý thức chấp hành kỷ luật còn kém.

Thời gian tới, để nâng cao chất lượng hoạt động của các chi bộ và phát triển đảng viên, Đảng ủy xã tập trung vào những biện pháp chủ yếu sau:

*Thứ nhất*, Chú trọng công tác tạo nguồn nhất là cán bộ thôn buôn, người đồng bào dân tộc thiểu số, cán bộ trẻ, đoàn viên thanh niên ở các thôn. Trong những năm qua Đảng ủy đã xác định đúng khâu khó khăn nhất trong công tác phát triển đảng viên đó là: trình độ học vấn của quần chúng, ở Đạ Rsal có nhiều trường thôn cả người Kinh và người dân tộc thiểu số có phẩm chất chính trị tốt, năng nổ nhiệt tình trong công tác, nhưng học vấn thấp không đủ tiêu chuẩn theo qui định của Đảng. Có cán bộ thôn người dân tộc thiểu số thì hầu như không có chứng chỉ nào về học vấn. Đồng thời nhiều quần chúng tích cực người DTTS lại vi phạm chính sách dân số, hầu hết các gia đình này đều có từ 3,4 con trở lên. Đối với đối tượng thanh niên đây là nguồn kết nạp khó nhất, tuy có trình độ học vấn đảm bảo việc kết nạp nhưng rất ít thanh niên có lý tưởng phấn đấu vào Đảng, chỉ tập trung làm kinh tế, thậm chí có quan niệm vào Đảng phải đóng đảng phí, không được sinh con thứ 3, không gắn liền với lợi ích...

Vì vậy, Đảng ủy tăng cường công tác chỉ đạo đối với các chi bộ nhất là chi bộ thôn tăng cường công tác tạo nguồn, động viên giúp đỡ theo dõi cán bộ thôn là trưởng phó thôn, mặt trận thôn và trưởng phó các ban ngành đoàn thể thôn, các cán

## Thông tin

bộ, đoàn viên thanh niên ưu tú hàng năm lập danh sách tham mưu cho đảng uỷ cử đi học các lớp cảm tình đảng. Đối với những quần chúng ưu tú đã được đi học lớp cảm tình Đảng các chi bộ phân công đảng viên theo dõi giúp đỡ, lập danh sách gửi về Đảng uỷ để cho làm hồ sơ, thẩm tra lý lịch và làm hồ sơ kết nạp.

*Thứ hai,* Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm về công tác phát triển đảng viên; làm tốt việc xây dựng, chỉnh đốn tổ chức đảng ở các thôn. Đẩy mạnh phát triển đảng ở các thôn buôn, nhất là người đồng bào dân tộc thiểu số, điều này đòi hỏi phải có sự chuyển biến mới về nhận thức của tất cả cán bộ, đảng viên, các cấp uỷ đảng về công tác phát triển đảng. Nhận thức rõ quan điểm, chủ trương của Đảng về phát triển đảng viên là một nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của Đảng, nhằm tăng thêm sức chiến đấu và bảo đảm sự kế thừa, phát triển của Đảng.

Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt kế hoạch phát triển đảng viên trong Đảng bộ; kế hoạch phát triển đảng viên cần gắn với quy hoạch cán bộ cơ sở và kế hoạch xây dựng, củng cố các tổ chức quần chúng, đặc biệt cán bộ hội đoàn thể các thôn buôn.

*Thứ ba,* Đảng uỷ chỉ đạo các tổ chức đoàn thể quần chúng tổ chức các phong trào văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao; thi đua rèn đức, luyện tài; tuổi trẻ sáng tạo, thanh niên tình nguyện... Thông qua các phong trào thu hút đông đảo hội viên, đoàn viên, từ đó lựa chọn được những hội viên, đoàn viên xuất sắc, có triển vọng để giới thiệu cho chi bộ đảng bồi dưỡng kết nạp vào Đảng. Làm tốt công tác giáo dục, bồi dưỡng, giúp đỡ đảng viên dự bị, đảng viên mới. nêu cao tính tiên phong gương mẫu, vững vàng về chính trị, có đạo đức trong sáng, có lối sống lành mạnh, gắn bó với quần chúng nhân dân, phấn đấu trở thành người lao động giỏi, làm kinh tế giỏi, đi đầu trong phong trào, ra sức làm giàu chính đáng; vận động nhân dân chấp hành chủ trương chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước. Xây dựng mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân vững mạnh, toàn diện, tổ chức nhiều phong trào lao động sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội nhằm thu hút đoàn viên, thanh niên tham gia, tạo nguồn phát triển đảng viên.

*Thứ tư,* Làm tốt các thủ tục kết nạp đảng viên, tuân theo những quy định, thủ tục chặt chẽ của Đảng từ lựa chọn, bồi dưỡng đối tượng kết nạp Đảng; hướng dẫn quần chúng viết đơn xin vào

Đảng, khai lý lịch của người xin vào Đảng, nhất là đối với người dân tộc thiểu số. Công tác thẩm tra lý lịch phải đảm bảo đúng thời gian, đối với quần chúng là người dân tộc thiểu số phía Bắc nếu đã di cư qua nhiều địa phương thì cần linh hoạt trong việc thẩm tra. Các việc như: giới thiệu người vào Đảng; lấy ý kiến nhận xét của các đoàn thể nơi làm việc và nơi cư trú đối với người vào Đảng cần làm dân chủ, công khai, tổ chức, cấp uỷ Đảng có thẩm quyền xét kết nạp người vào Đảng; tổ chức lễ kết nạp đảng viên theo hướng dẫn của trung ương.

*Thứ năm,* Phân công cấp uỷ viên, các đoàn thể theo dõi, giúp đỡ và giao chỉ tiêu cụ thể về phát triển đảng viên cho từng chi bộ. Hàng năm lấy kết quả công tác bồi dưỡng, phát triển đảng viên ở cơ sở làm căn cứ tính điểm thi đua khen thưởng cuối năm. Mặt khác, phải thông qua thực tiễn thực hiện nhiệm vụ, chức trách được giao và qua phong trào cách mạng của quần chúng ở cơ sở để bồi dưỡng, rèn luyện người vào Đảng. Cần nâng cao trách nhiệm của đảng viên trong việc chủ động phát hiện, giới thiệu người vào Đảng và trách nhiệm trước chi bộ về hiệu quả công tác giáo dục, bồi dưỡng, về động cơ phấn đấu vào Đảng, về chất lượng của người vào Đảng trước khi kết nạp.

*Thứ sáu,* Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hiện quy chế dân chủ cơ sở; kịp thời, nghiêm khắc xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật, vi phạm kỷ luật Đảng, đồng thời biểu dương, khen thưởng những tổ chức đảng và đảng viên có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ. Phân công các đồng chí đảng uỷ viên phụ trách chi bộ, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, chỉ đạo việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của đơn vị, dự sinh hoạt chi bộ nhằm nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ.

Đạ Rsal là xã có điều kiện kinh tế, xã hội phát triển của huyện Đam Rông vì vậy đòi hỏi Đảng bộ xã phải không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, thường xuyên bổ sung sinh lực mới cho Đảng, nhất là những trí thức trẻ, đảng viên là người dân tộc thiểu số trước mắt lãnh đạo xã hoàn thành các chỉ tiêu nông thôn mới, tiến tới xây dựng Đạ Rsal trở thành một trung tâm kinh tế, cửa ngõ giao lưu kinh tế, văn hóa của huyện Đam Rông và của cả tỉnh Lâm Đồng với các tỉnh Tây Nguyên./.

K.H.S

❖ *Phó Trưởng Phòng Đào tạo*



## VAI TRÒ CỦA HỘI PHỤ NỮ XÃ ĐƯNG K'NƠ (LẠC DƯƠNG) TRONG CÔNG TÁC XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ GIA ĐÌNH

❖ *Ths Hoàng Hữu Du*

**Đ**ưng K'Nơ là một xã vùng sâu, vùng xa thuộc huyện Lạc Dương, cách trung tâm huyện 50km đường rừng về phía Đông Bắc, từ hồ Đan Kia - Suối Vàng men theo đường 722, với khoảng 415 hộ, sinh sống chủ yếu bằng nghề nông. Địa hình đất sản xuất nông nghiệp có độ dốc lớn, thường xuyên sạt lở vào mùa mưa lũ, đời sống người dân còn gặp nhiều khó khăn. Trình độ dân trí không đồng đều và còn thấp so với mặt bằng chung của huyện, tỷ lệ người đồng bào dân tộc thiểu số đông nhiều tập tục lạc hậu còn tồn tại, nhất là tập quán canh tác sản xuất nông nghiệp, quy mô manh mún, chăn nuôi gia súc, gia cầm nhỏ lẻ nên hiệu quả kinh tế không cao. Do đó, chương trình xóa đói giảm nghèo luôn được coi là trọng tâm trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội, huyện và địa phương luôn dành nhiều nguồn lực ưu tiên cho công tác giảm nghèo như các chương trình, dự án như chương trình 135, chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo nhanh và bền vững (30a), giải quyết đất sản xuất cho hộ nghèo, ...

Với trên 1900 nhân khẩu trong tổng số 415 hộ, đa số là người dân tộc Cil-Kho theo chế độ mẫu hệ, do đó vai trò của người phụ nữ trong việc phát triển kinh tế hộ gia đình được thể hiện khá rõ nét. Phụ nữ làm chủ gia đình, đưa ra các quyết định trọng đại từ cưới xin, sản xuất đến sinh hoạt hằng ngày. Trong những năm gần đây, tỷ lệ phụ nữ tham gia vào Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Đưng K'Nơ không ngừng nâng lên cả về số lượng lẫn chất lượng. Hội có 464 hội viên trong tổng số 518 phụ nữ từ 18 tuổi trở lên với 4 chi hội và 8 tổ hội. Các chi hội, tổ hội đã phát huy tốt vai trò của mình trong việc giúp đỡ nhau xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế hộ gia đình. Đến tháng 6/2015, hội quản lý 5 nguồn vốn vay từ ngân hàng chính sách xã hội với tổng số tiền trên 4 tỷ đồng của 195 hộ vay; triển khai xây dựng mô hình địa chỉ tin cậy tại thôn 2; thường xuyên giúp đỡ phụ nữ nghèo, phụ nữ đơn thân bằng các biện pháp

như quyên góp gạo, giúp đỡ cho vay tiền không lấy lãi, giúp ngày công lao động... vận động chị em tham gia hiến đất làm đường nông thôn, tham gia thu gom rác, đặc biệt phong trào “5 không 3 sạch”; Ngoài ra, hội cũng chú trọng vận động hội viên mạnh dạn xóa bỏ các hủ tục lạc hậu nhất là tục thách cưới.

Theo số liệu thống kê của xã, cuối năm 2011 tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn xã khá cao chiếm tỷ lệ 33,55% đến tháng năm 12/2013 toàn xã còn 87 hộ nghèo chiếm tỷ lệ 21,8%, hộ cận nghèo còn 33 hộ, không còn hộ đói. Năm 2014 toàn xã còn 18% hộ nghèo. Nhờ được được đầu tư đúng hướng, kết hợp với sự nỗ lực vươn lên của người dân nên tỷ lệ hộ nghèo hằng năm giảm từ 6%-7%, hạn chế được tình trạng tái nghèo và phát sinh hộ nghèo mới.

Có được những kết quả trên ngoài sự quan tâm đầu tư của Nhà nước và sự nỗ lực vươn lên xóa đói, giảm nghèo, làm giàu chính đáng của nhân dân trong xã, là sự đóng góp không nhỏ của tổ chức Hội Phụ nữ xã Đưng K'Nơ trong việc xây dựng các phong trào giúp nhau trong lao động sản xuất, sử dụng các nguồn vốn vay, các chương trình, dự án các cấp, biết áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đã góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, nhân dân có điều kiện xây dựng nhà cửa ngày một khang trang. Đến nay trên địa bàn xã có 90% hộ dân có phương tiện nghe nhìn, đi lại, 95% hộ được sử dụng điện và trên 80% hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh, đáp ứng được nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của nhân dân.

Từ một xã nghèo của tỉnh, vừa qua, Đưng K'Nơ là 1 trong 13 xã vinh dự được nhận Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh vì có thành tích xuất sắc trong quá trình thực hiện giảm nghèo nhanh và bền vững, giai đoạn 2009-2013./.

H.H.D

❖ *Khoa Lý luận Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh*

## ĐẢM BẢO BÌNH ĐẲNG TRONG THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG HIỆN NAY

❖ *Đinh Công Tuyển*

**C**hính sách dân tộc ở Lâm Đồng là cụ thể hóa những quan điểm, đường lối của Đảng cộng sản Việt Nam về vấn đề dân tộc, tác động trực tiếp đến việc giải quyết mối quan hệ dân tộc trên các lĩnh vực của đời sống xã hội ở các cấp cơ sở, nhằm đảm bảo góp phần thực hiện đúng mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội XI đã chỉ ra là: *“Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, thương yêu, tôn trọng và giúp nhau cùng tiến bộ, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”*<sup>[1]</sup>. Ở đây, bình đẳng là một nguyên tắc quan trọng trong thực hiện chính sách dân tộc, gắn chặt với lợi ích, sự tồn tại, phát triển và ý thức dân tộc của đồng bào các dân tộc, là một giá trị định hướng nhằm đảm bảo thực hiện quyền của mỗi tộc người được tham gia vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Là tỉnh miền núi, vùng cao nằm ở phía nam Tây Nguyên, Lâm Đồng có diện tích tự nhiên 9.764,7 km<sup>2</sup> với 12 đơn vị hành chính, dân số toàn tỉnh khoảng hơn 1,2 triệu người, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số 299.119 người, chiếm tỉ lệ 24% với 43 dân tộc anh em. Tỉnh Lâm Đồng đã quan tâm chỉ đạo xây dựng chính sách dân tộc theo từng giai đoạn nhằm thực hiện tốt việc đảm bảo bình đẳng cho đồng bào dân tộc thiểu số. Thực tế cho thấy hiện nay, đa số đồng bào dân tộc thiểu số ở Lâm Đồng sinh sống và làm việc ở những vùng sâu, vùng xa, có sự chênh lệch phát triển đối với vùng đô thị trên tất cả các mặt. Tại các địa phương có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống như Lạc Dương, Đam Rông thì mức sống của đồng bào còn thấp, tỉ lệ đói nghèo cao, trình độ dân trí còn hạn chế so với đồng bào người Kinh, đồng bào gặp nhiều khó khăn để tiếp cận và thụ hưởng những thành quả của quá trình đổi mới và phát triển chung của cả nước...

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng, các cấp chính quyền và toàn hệ thống chính trị trong tỉnh đã thực hiện các chính sách dân tộc đúng đắn, dựa trên dân chủ, công bằng,

bình đẳng trong phát triển, phát triển hài hòa giữa cá nhân với cộng đồng, giữa từng tộc người với cả cộng đồng dân tộc. *Về chính trị*, đồng bào các dân tộc bình đẳng về quyền làm chủ, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, được thực hiện quyền tham chính của mình thông qua thực hiện dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp qua bầu cử và ứng cử. *Về kinh tế*, đồng bào các dân tộc thiểu số được chính quyền hỗ trợ để xóa đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế, thu hẹp khoảng cách về mức sống giữa các vùng. *Về giáo dục, y tế, văn hóa - xã hội*, mọi công dân đều bình đẳng về cơ hội học tập, khám chữa bệnh, tham gia các hoạt động văn hóa; các cấp chính quyền đã tôn trọng những giá trị, bản sắc văn hóa, phong tục, tập quán, quan hệ xã hội của các tộc người.

Với những cố gắng và nỗ lực trong thực hiện bình đẳng chính sách dân tộc, các chính sách dân tộc đã được triển khai toàn diện đến tất cả các vùng có đồng bào dân tộc thiểu số. Kết quả là Lâm Đồng đã đạt được nhiều thành tựu như: Vùng dân tộc thiểu số trong toàn tỉnh hiện có tốc độ tăng trưởng hàng năm đạt khoảng trên 8%, thu nhập bình quân năm 2014 đạt khoảng 28 triệu đồng/người/năm, hiện nay trên địa bàn không còn hộ dân tộc thiểu số bị đói, tỉ lệ hộ nghèo chỉ còn 6,98% và cơ bản đã được xóa nhà tạm, số hộ khá và giàu tăng nhanh; các vùng có đồng bào dân tộc đã đạt chuẩn quốc gia về phổ cập trung học cơ sở; 100% số xã có bác sỹ về công tác; 80% số hộ vùng dân tộc thiểu số được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; các giá trị văn hóa được chú trọng bảo tồn và phát huy; lao động dân tộc thiểu số được đào tạo nghề, sắp xếp ổn định dân cư được đẩy mạnh; đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc không ngừng được nâng lên... Tuy nhiên, việc thực hiện chính sách dân tộc vẫn chưa đảm bảo được sự thụ hưởng bình đẳng của tất cả đồng bào dân tộc thiểu số, biểu hiện cụ thể là: Cơ sở hạ tầng chưa được xây dựng đồng bộ trong các vùng dân tộc; cơ hội tiếp cận học tập, việc làm, cách thức làm ăn, công nghệ của đồng bào dân tộc thiểu số chưa nhiều, thu nhập còn thấp so với

đồng bào người Kinh trên địa bàn; việc thụ hưởng các chính sách, chương trình đôi lúc chồng chéo nhưng hiệu quả chưa cao; chưa hoàn thành công tác định canh, định cư; các giá trị văn hóa còn chưa được chú trọng bảo tồn một cách toàn diện và thấu đáo; chất lượng giáo dục và nguồn nhân lực thấp, chưa đồng đều; hệ thống chính trị cơ sở nhiều nơi chưa đủ mạnh, cán bộ người dân tộc ở một số địa phương chưa thực sự đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; còn để xảy ra khiếu kiện, tranh chấp đất đai...

Thực tiễn đang đặt ra những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện chính sách, pháp luật về dân tộc, góp phần tạo sự bình đẳng, nâng cao đời sống mọi mặt của đồng bào các dân tộc thiểu số. Trong thời gian tới, để thực hiện tốt việc đảm bảo bình đẳng khi triển khai thực hiện chính sách dân tộc, tỉnh Lâm Đồng cần thực hiện tốt các giải pháp cơ bản là:

*Một là*, Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nhận thức về thực hiện chính sách dân tộc cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, trong đó có việc quán triệt sâu sắc, Nghị quyết TW7 Khóa IX, Nghị quyết TW Khóa X, XI, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng về công tác dân tộc. Việc giáo dục nhận thức cần hướng theo các nguyên tắc chuẩn mực là bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng giúp nhau cùng phát triển. Muốn vậy phải cùng cố thái độ tôn trọng lẫn nhau, tin cậy lẫn nhau, thương yêu lẫn nhau, cộng đồng trách nhiệm, chia sẻ trách nhiệm; chống những biểu hiện dân tộc cực đoan, thái độ tự cao, tâm lý tự kiêu dân tộc, phân biệt đối xử...

*Hai là*, Tiếp tục đẩy mạnh công tác xóa đói giảm nghèo bền vững trên địa bàn các dân tộc. Triển khai có hiệu quả các chính sách, dự án hỗ trợ cho đồng bào nghèo, khó khăn. Phát triển nông lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp hóa hiện đại hóa gắn với xây dựng Nông thôn mới. Khai thác tiềm năng lợi thế về đất đai,

khí hậu, khoáng sản, danh lam thắng cảnh, các thế mạnh của từng địa phương trong trồng rau, hoa, cây cà phê, cây chè; chăn nuôi bò sữa, dê...

*Ba là*, Đầu tư phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, thực hiện công bằng xã hội. Thực hiện tốt phương châm “*Nhà nước và nhân dân cùng làm*” trong việc xây dựng các thiết chế văn hóa ở cơ sở, đẩy mạnh việc thực hiện phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”. Ưu tiên ngân sách đầu tư cho hệ thống giáo dục đào tạo vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường cơ sở khám, chữa bệnh, cán bộ y tế cho các xã, ấp, thôn, bản. Thực hiện tốt các chính sách xã hội, đảm bảo công bằng xã hội cho đồng bào dân tộc trên từng địa bàn dân cư

*Bốn là*, Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh và đẩy mạnh thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo và bồi dưỡng cán bộ dân tộc thiểu số, trong đó ưu tiên đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ đối với con em là người dân tộc thiểu số địa phương, đồng thời phát huy vai trò người uy tín trong đồng bào để cùng tham gia xây dựng hệ thống chính trị cơ sở, tham gia công tác xóa đói giảm nghèo và theo dõi giám sát việc thực hiện chính sách dân tộc.

*Năm là*, Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện cho đồng bào dân tộc thiểu số. Tiếp tục triển khai hiệu quả các chính sách đặc thù ưu tiên để đào tạo đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số đáp ứng được năng lực và phẩm chất; đào tạo nguồn nhân lực là người dân tộc thiểu số có khả năng phù hợp để có thể tiếp cận được với những cơ hội phát triển kinh tế cho bản thân và gia đình, góp phần phát triển xã hội./

**Đ.C.T**

❖ *Khoa Lý luận Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh*

[1] Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb CTQG, H, 2011, tr244

***"Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau"***

**Hồ Chí Minh**



# TRƯỜNG CHÍNH TRỊ LÂM ĐỒNG TỔ CHỨC HỘI THẢO KHOA HỌC 70 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ QUỐC KHÁNH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

❖ *Ths Nguyễn Thị Bảy*

Sáng 20/8/2015, Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng đã tổ chức Hội thảo khoa học: “70 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh nước Cộng hòa XHCN Việt Nam”. Đồng chí Trần Ngọc Liêm - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Thiếu tướng Lê Anh Thơ - Chính ủy Học viện Lục quân, đồng chí Đỗ Thanh Bình - Tỉnh ủy viên, Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh và đồng chí Trần Văn Hiệp, Tỉnh ủy viên - Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy - Chủ trì hội thảo.

Với mục đích nhằm khẳng định vị trí, tầm vóc vĩ đại, giá trị lịch sử to lớn của Cách mạng tháng Tám và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong lịch sử đấu tranh dựng nước, giữ nước của dân tộc; khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; Nhằm giáo dục truyền thống yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng hòa bình của dân tộc; đề cao tinh thần đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam, thể hiện lòng biết ơn sâu sắc đối với các thế hệ đã hy sinh xương máu vì độc lập dân tộc, thống nhất đất nước; đồng thời nêu cao tinh thần tự hào dân tộc, khẳng định ý chí quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước trong thời kỳ mới, vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”; giới thiệu những thành quả của công cuộc xây dựng đất nước trong 70 năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu, hội thảo đã thu hút 48 tham luận đến từ các Ban xây dựng Đảng, Học viện Lục quân, các trường Cao đẳng, Đại học đóng trên địa bàn và các cán bộ, giảng viên Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng.

Các tham luận đã tập trung làm rõ những vấn đề như: Vấn đề thời cơ trong cách mạng tháng Tám, vai trò lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh- nhân tố quyết định thắng lợi trong cách mạng tháng Tám, ý nghĩa và bài học lịch sử của cách mạng tháng Tám, đặc biệt là bài học



về đại đoàn kết toàn dân tộc; giá trị thực tiễn của cách mạng Tháng Tám trong việc xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân và vì dân, trong việc thực thi quyền con người, trong sự nghiệp CNH-HĐH đất nước, trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong giai đoạn hiện nay... Nhìn chung, các bài viết ở những mức độ khác nhau đều khẳng định giá trị to lớn, ý nghĩa lịch sử của cách mạng tháng Tám đối với công cuộc đổi mới, công cuộc xây dựng đất nước trong tình hình hiện nay.

Kết luận hội thảo, đồng chí Đỗ Thanh Bình đánh giá cao những ý kiến đóng góp của các thành viên tham dự. Đồng chí nhấn mạnh: Hội thảo khoa học kỷ niệm 70 năm cách mạng tháng Tám và Quốc khánh nước cộng hòa XHCN Việt Nam là hoạt động quan trọng cả về khoa học và chính trị tư tưởng, về giáo dục truyền thống, về đào tạo bồi dưỡng... Thông qua Hội thảo không chỉ là dịp ôn lại truyền thống hào hùng của dân tộc, đặc biệt là sự kiện lịch sử trọng đại cách mạng tháng Tám, Quốc khánh 2/9/1945 mà đây còn là dịp cán bộ, giáo viên nhà trường nghiên cứu sâu hơn về sự kiện lịch sử quan trọng, là dịp gắn kết những người nghiên cứu, những người tham gia hoạt động khoa học ở nhiều cơ quan. Thông qua Hội thảo, chúng ta nhận thức sâu sắc hơn, vững vàng hơn, tin tưởng hơn vào sự lãnh đạo của Đảng sự quản lý của Nhà nước, tin tưởng hơn vào sức mạnh của nhân dân, của dân tộc không chỉ trong quá khứ mà cả hiện tại và tương lai - Một lòng tin tình cảm, cách mạng và khoa học./. N.T.B

❖ *Phó Trưởng Phòng Nghiên cứu KH-TT-TL*

# THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ CỦA TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH LÂM ĐỒNG TRONG NĂM HỌC 2014-2015

❖ Lê Viết Lâm

Năm học 2014-2015 là năm diễn ra nhiều sự kiện quan trọng của đất nước và của tỉnh, là năm quan trọng để nhà trường thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ trường Chính trị lần thứ VII (nhiệm kỳ 2010-2015). Việc triển khai thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ năm học 2014-2015 của nhà trường luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự phối hợp có hiệu quả của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ, các Sở, Ban ngành cũng như của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, các Học viện khu vực, Học viện Hành chính Quốc gia và các địa phương, các cơ sở liên kết đào tạo.

Đảng ủy, Ban Giám hiệu, tập thể cán bộ, viên chức, người lao

động trong toàn trường luôn đoàn kết thống nhất, đề cao tinh thần trách nhiệm quyết tâm thi đua phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đào tạo bồi dưỡng trong năm học 2014-2015, cụ thể như sau:

Tổng số lớp đã thực hiện trong năm học 2014-2015 là **100** lớp với **7576** học viên, cụ thể:

**- Số lớp đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC: 73 lớp với 6470 học viên**

- + Cao cấp, đại học: 06 lớp, 533 học viên;
- + Trung cấp LLCT-HC, hệ Chính quy: 05 lớp, 313 học viên;
- + Trung cấp LLCT-HC, hệ Tại chức: 12 lớp, 946 học viên;
- + Trung cấp chuyên nghiệp: 02 lớp, 117 học viên;
- + Bồi dưỡng theo ngạch: 08 lớp, 454 học viên;

- + Bồi dưỡng ngắn hạn: 41 lớp, 4017 học viên;
- Các lớp xã hội hoá: 27 lớp 1106 học viên**
- + Cao học: 6 lớp, 220 học viên
- + Đại học: 18 lớp, 792 học viên
- + Bồi dưỡng: 3 lớp, 94 học viên

Để tiếp tục thực hiện kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ năm học 2015-2016, phương hướng cần tập trung nêu cao tinh thần trách nhiệm, đoàn kết khắc phục khó khăn, tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập rèn luyện của cán

bộ, giảng viên, viên chức và học viên, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng quyết tâm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Tỉnh ủy, UBND tỉnh giao cho.

Tiếp tục đổi mới công tác quản lý điều hành,

nâng cao chất lượng công tác tham mưu cho lãnh đạo Nhà trường trong việc triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo bồi dưỡng trên cơ sở tăng cường công tác phối hợp nhà trường với các đơn vị liên kết đào tạo, bồi dưỡng; giữa lãnh đạo các khoa phòng, đề cao tinh thần trách nhiệm của tập thể, cá nhân nhằm góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của nhà trường.

Phát huy những ưu điểm, thành tích đã đạt được và khắc phục những mặt hạn chế, toàn thể cán bộ, viên chức Trường Chính trị quyết tâm hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm học 2015-2016 mà Tỉnh ủy, UBND tỉnh giao./.

L.V.L



❖ Chuyên viên Phòng Nghiên cứu KH-TT-TL



# Một số hình ảnh về hoạt động của Nhà trường



Đ/c Đỗ Thanh Bình, TUV, Hiệu trưởng tặng giấy khen cho học viên lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính K11, hệ chính quy



Đ/c Đỗ Thanh Bình, TUV, Hiệu trưởng phát biểu tại lễ khai giảng lớp Bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính K17



Đ/c Nguyễn Thị Liễu, Phó Hiệu trưởng trao chứng nhận cho học viên lớp bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp hành chính



Đ/c Võ Thị Thu Hà, Phó Hiệu trưởng trao bằng tốt nghiệp cho học viên Lớp Trung cấp LLCT-HC K12, hệ chính quy



Toàn cảnh lễ khai giảng lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính K14, hệ chính quy



Toàn cảnh lễ bế giảng lớp Đại học Luật kinh tế, hệ từ xa





**NHIỆT LIỆT  
CHÀO MỪNG  
ĐẠI HỘI  
ĐẠI BIỂU  
ĐẢNG BỘ  
TỈNH LÂM ĐỒNG  
LẦN THỨ X!**